

Số: 42 /TB-CN

Biên Hòa, ngày 07 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (Dowaco).
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, CMT 8, P. Quyết Thắng, Biên Hòa, Đồng Nai.
- Điện thoại: (0251) 3843 316 Fax: (0251) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người công bố thông tin: **Nguyễn Cao Hà**
- Chức danh: TV.HĐQT, Phó Giám đốc Công ty.
- Loại thông tin công bố:
 Định kỳ 24h Theo yêu cầu Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (đính kèm báo cáo).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 07/4/2022 tại đường dẫn <https://dowaco.vn/quan-he-co-dong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Giám đốc Công ty;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TCHC.

E:/HIEN/CÔNG TY/CBTT/2022

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Cao Hà

“
**Nước sạch
cho cuộc sống xanh**
”

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI



2021

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

48, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3843 316

Website: www.dowaco.vn

MỤC LỤC

1

CHƯƠNG 1
THÔNG TIN CHUNG

5

2

CHƯƠNG 2
TÌNH HÌNH HOẠT
ĐỘNG TRONG NĂM
2021

26

3

CHƯƠNG 3
BÁO CÁO CỦA
BAN GIÁM ĐỐC

50

4

CHƯƠNG 4
ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

62

5

CHƯƠNG 5
QUẢN TRỊ CÔNG TY

68

6

CHƯƠNG 6
BÁO CÁO TÀI
CHÍNH KIỂM TOÁN
NĂM 2021

82

THÔNG TIN CHUNG

- *Thông tin khái quát*
 - *Quá trình hình thành và phát triển*
 - *Các giải thưởng tiêu biểu*
 - *Ngành nghề và địa bàn kinh doanh*
 - *Sơ đồ tổ chức*
 - *Định hướng phát triển*
 - *Các rủi ro*
-



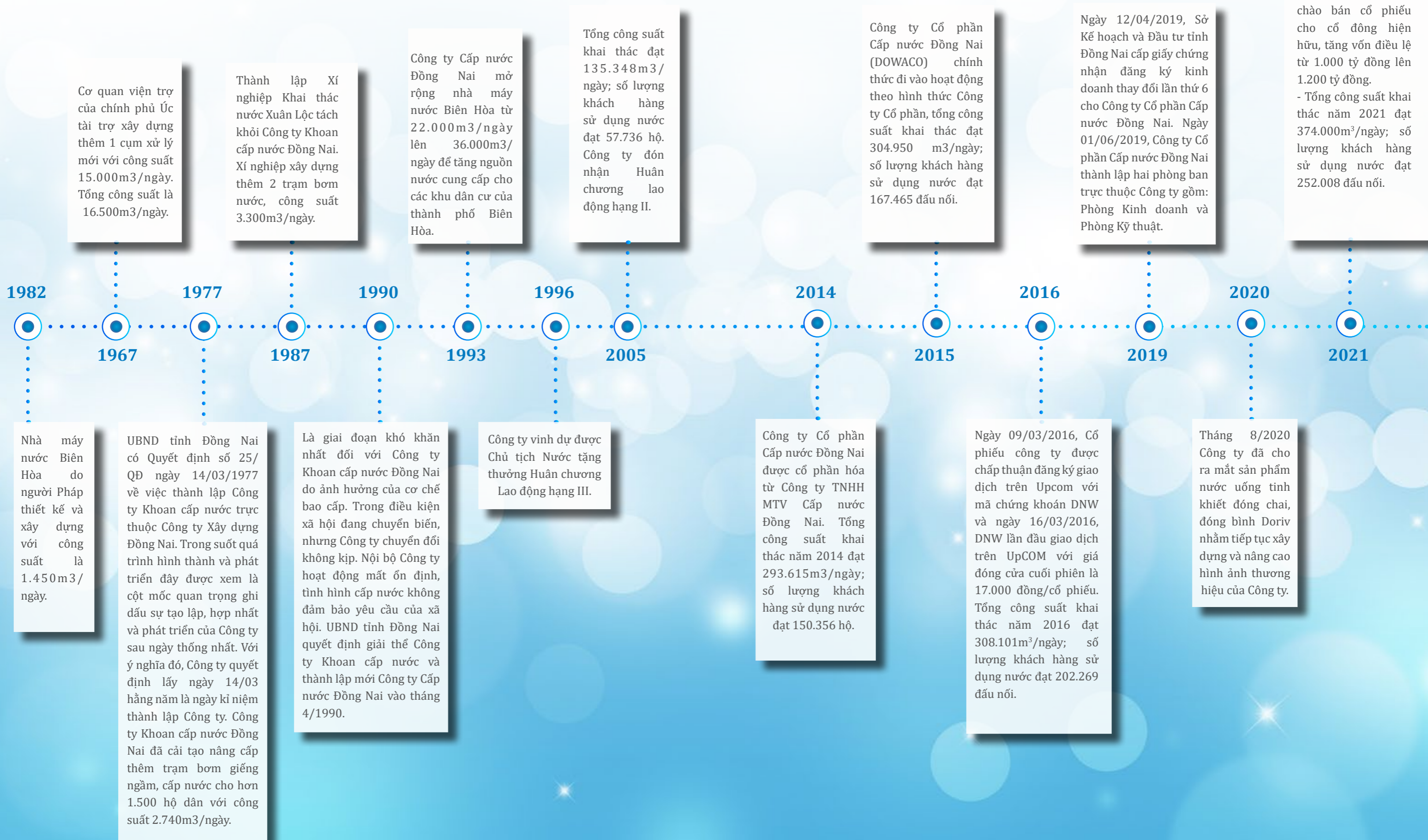
THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Tên tiếng anh	DONG NAI WATER JOINT STOCK COMPANY
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 07/04/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/05/2021
Vốn điều lệ	1.200.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	Số 48, đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại	(0251) 3843 316
Số fax	(0251) 3847 149
Website	www.dowaco.vn
Mã cổ phiếu	DNW



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Cơ quan viện trợ của chính phủ Úc tài trợ xây dựng thêm 1 cụm xử lý mới với công suất 15.000m³/ngày. Tổng công suất là 16.500m³/ngày.

Thành lập Xí nghiệp Khai thác nước Xuân Lộc tách khỏi Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai. Xí nghiệp xây dựng thêm 2 trạm bơm nước, công suất 3.300m³/ngày.

Công ty Cấp nước Đồng Nai mở rộng nhà máy nước Biên Hòa từ 22.000m³/ngày lên 36.000m³/ngày để tăng nguồn nước cung cấp cho các khu dân cư của thành phố Biên Hòa.

Tổng công suất khai thác đạt 135.348m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 57.736 hộ. Công ty đón nhận Huân chương lao động hạng II.

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần, tổng công suất khai thác đạt 304.950 m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 167.465 đầu nối.

Ngày 12/04/2019, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 cho Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai. Ngày 01/06/2019, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai thành lập hai phòng ban trực thuộc Công ty gồm: Phòng Kinh doanh và Phòng Kỹ thuật.

- Tháng 4/2021, Công ty hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 1.200 tỷ đồng.
- Tổng công suất khai thác năm 2021 đạt 374.000m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 252.008 đầu nối.

Nhà máy nước Biên Hòa do người Pháp thiết kế và xây dựng với công suất là 1.450m³/ngày.

UBND tỉnh Đồng Nai có Quyết định số 25/QĐ ngày 14/03/1977 về việc thành lập Công ty Khoan cấp nước trực thuộc Công ty Xây dựng Đồng Nai. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển đây được xem là cột mốc quan trọng ghi dấu sự tạo lập, hợp nhất và phát triển của Công ty sau ngày thống nhất. Với ý nghĩa đó, Công ty quyết định lấy ngày 14/03 hằng năm là ngày kỉ niệm thành lập Công ty. Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai đã cải tạo nâng cấp thêm trạm bơm giếng ngầm, cấp nước cho hơn 1.500 hộ dân với công suất 2.740m³/ngày.

Là giai đoạn khó khăn nhất đối với Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai do ảnh hưởng của cơ chế bao cấp. Trong điều kiện xã hội đang chuyển biến, nhưng Công ty chuyển đổi không kịp. Nội bộ Công ty hoạt động mất ổn định, tình hình cấp nước không đảm bảo yêu cầu của xã hội. UBND tỉnh Đồng Nai quyết định giải thể Công ty Khoan cấp nước và thành lập mới Công ty Cấp nước Đồng Nai vào tháng 4/1990.

Công ty vinh dự được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III.

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Tổng công suất khai thác năm 2014 đạt 293.615m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 150.356 hộ.

Ngày 09/03/2016, Cổ phiếu công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên Upcom với mã chứng khoán DNW và ngày 16/03/2016, DNW lần đầu giao dịch trên UpCOM với giá đóng cửa cuối phiên là 17.000 đồng/cổ phiếu. Tổng công suất khai thác năm 2016 đạt 308.101m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 202.269 đầu nối.

Tháng 8/2020 Công ty đã cho ra mắt sản phẩm nước uống tinh khiết đóng chai, đóng bình Doriv nhằm tiếp tục xây dựng và nâng cao hình ảnh thương hiệu của Công ty.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Năm	Số Quyết định	Hình thức	Giải thưởng	Cơ quan cấp
2015	QĐ số 1336/QĐ-UBND ngày 09/5/2016	Bằng Khen	"Đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước từ 2014 -2015"	UBND tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 1336/QĐ-UBND ngày 09/5/2016	Cờ thi đua	"Đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2015"	UBND tỉnh Đồng Nai
2016	QĐ số 3238/QĐ-UBND ngày 06/10/2016	Bằng khen	"Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD từ năm 2013 - 2015 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai"	UBND tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 3238/QĐ-UBND ngày 06/10/2016	Khánh vàng	"Đạt danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc" tỉnh Đồng Nai lần thứ VI - 2016"	UBND tỉnh Đồng Nai
2017	QĐ số 2470/QĐ-UBND ngày 18/7/2017	Bằng khen	"Đã có đóng góp trong phong trào ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, giai đoạn 2012 - 2017"	UBND tỉnh Đồng Nai
	-	Bảng ghi nhận và cảm ơn	"Đã có đóng góp trong công tác dân vận và phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc năm 2018"	Công an TP. Biên Hòa
2018	QĐ số 2500/QĐ-UBND ngày 23/7/2018	Bằng khen	"Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Vì nạn nhân chất độc da cam giai đoạn 2013 - 2018"	UBND tỉnh Đồng Nai
	-	Bảng vàng tri ân	"Đã có thành tích ủng hộ Quỹ Tri ân Liệt sĩ trong 5 năm (2013 - 2018)"	Hội hỗ trợ Gia đình Liệt sỹ Đồng Nai
	QĐ số 4225/QĐ-UBND ngày 27/11/2018	Bằng khen	"Đã có thành tích tiêu biểu tham gia cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" và phong trào xây dựng "Nhà Đại đoàn kết" xóa nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000 - 2018"	UBND tỉnh Đồng Nai
	-	Bảng tri ân	"Tri ân Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tham gia cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" và phong trào xây dựng "Nhà Đại đoàn kết" xóa nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000 - 2018"	UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai
2019	QĐ số 1177/QĐ-UBND ngày 22/4/2019	Bằng khen	"Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2018"	UBND tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 38/QĐTHXDVN ngày 27/6/2019	Bằng khen	"Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội nhiệm kỳ IV (2014-2019)"	BCH Trung ương Tổng hội Xây dựng Việt Nam
	QĐ số 126/QĐ-TĐKTT-WH ngày 16/9/2019	Bảng Tri ân	"Tri ân tấm lòng vì nạn nhân chất độc da cam: Chương trình "hỗ trợ sinh kế cho nạn nhân chất độc da cam Việt Nam" lần thứ 1"	Hội nạn nhân chất độc da cam dioxin Việt Nam

Năm	Số Quyết định	Hình thức	Giải thưởng	Cơ quan cấp
2020	QĐ số 1242/QĐ-UBND ngày 20/4/2020.	Bằng khen	Công ty CP cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2019	UBND tỉnh Đồng Nai
	QĐ số 03/QĐ-BCĐ.VPPT ngày 16/4/2021	Giấy khen	Đạt thành tích xuất sắc trong cuộc vận động Hiến máu tình nguyện	Ban chỉ đạo Hiến máu tình nguyện tỉnh Đồng Nai
2021	QĐ số 5171/QĐ-UBND ngày 22/12/2021	Bằng khen	Đã đạt thành tích xuất sắc trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	UBND tỉnh Đồng Nai



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

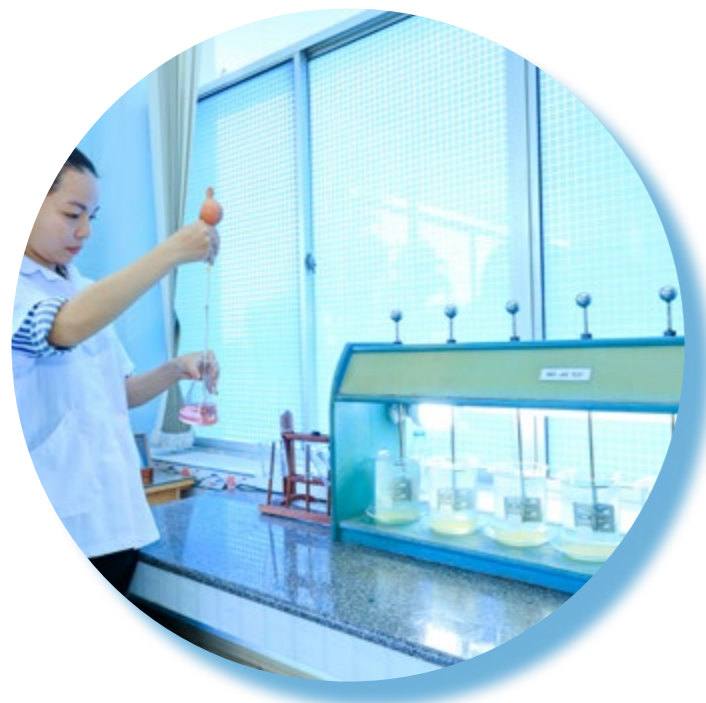
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:
 - Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
 - Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác.
 - Thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp thoát nước.
 - Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư. Giám sát thi công công trình dân dụng - công nghiệp. Lập hồ sơ mời thầu. Đánh giá hồ sơ dự thầu. Thẩm định thiết kế kỹ thuật. Quyết toán các dự án đầu tư.
 - Tư vấn quản lý dự án đầu tư. Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán-tổng dự toán.
 - Thẩm định kết quả đấu thầu.
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15 mm đến 100 mm (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).



Địa bàn kinh doanh

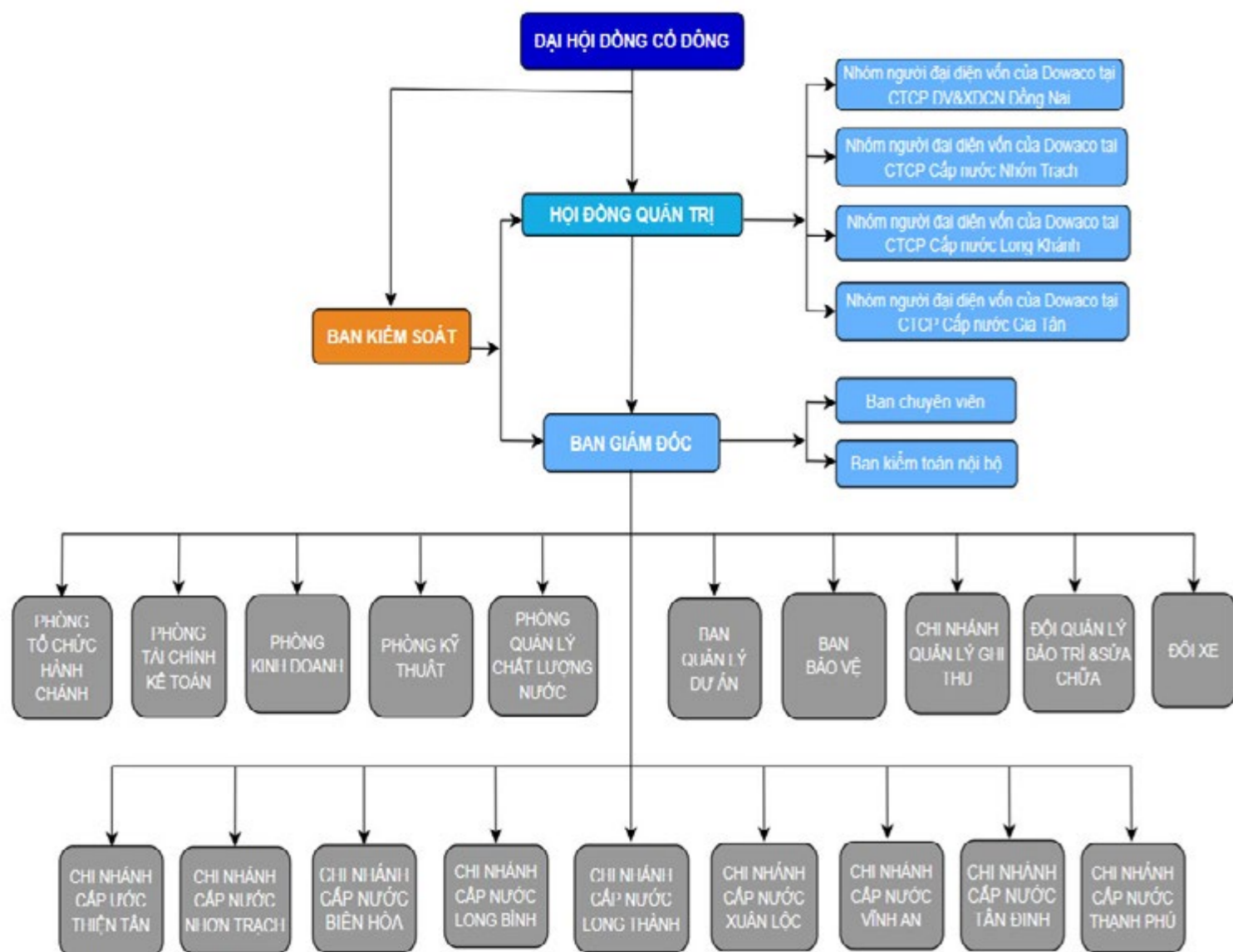
Hiện nay, các nhà máy sản xuất nước mặt đang khai thác và cung cấp nước cho các khu vực như sau:

- Khu vực thành phố Biên Hòa (29 phường và 1 xã Long Hưng).
- Khu vực Long Thành: Thị trấn Long Thành (Văn Hải, Phước Hải, Phước Thuận, Phước Long, Cầu Xéo, Kim Sơn), xã Long Đức, An Phước, Lộc An, Long An, Tam An, Bình Sơn.
- Khu vực huyện Xuân Lộc: Thị trấn Gia Ray, xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa, Xuân Hiệp, Suối Cát, Xuân Trường.
- Khu vực huyện Định Quán: Thị trấn Định Quán, xã Phú Vinh, Phú Lợi, Gia Canh, Phú Ngọc, Ngọc Định.
- Khu vực Tân Phú: Thị trấn Tân Phú, 1 phần xã Trà Cổ.
- Khu vực huyện Vĩnh Cửu: Thị trấn Vĩnh An, xã Vĩnh Tân, xã Thạnh Phú, xã Thiện Tân, xã Tân An.
- Khu vực huyện Trảng Bom: Thị trấn Trảng Bom, xã Hồ Nai 3, Xã Bắc Sơn, Bình Minh, Quảng Tiến, Giang Điền.
- Khu vực huyện Nhơn Trạch: Khu trung tâm huyện Nhơn Trạch, các KCN Nhơn Trạch, khu dân cư xã Hiệp Phước, Long Thọ, Phước An, Phước Thiện, Phú Hội (qua đồng hồ tổng của Công ty mẹ và Công ty Cấp nước Hồ Cầu Mới).
- Khu vực TP.Long Khánh: TP. Long Khánh (gồm 11 phường: Bảo Vinh, Bàu Sen, Phú Bình, Suối Tre, Xuân An, Xuân Bình, Xuân Hòa, Xuân Lập, Xuân Tân, Xuân Thanh, 02 xã: Bảo Quang, Bàu Trâm); KCN Long Khánh, KCN Suối Tre.



CƠ CẤU VÀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Sơ đồ tổ chức



Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ và thực hiện biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.
- Hội đồng quản trị: là cơ quan quản lý Công ty, do ĐHĐCĐ bầu ra. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.
- Ban kiểm soát: là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc, có nhiệm vụ kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm theo thể thức bầu trực tiếp, bỏ phiếu kín.
- Giám đốc: là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc hàng ngày và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyết định công tác quản lý, điều hành, nghị quyết, kế hoạch của HĐQT. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các công việc, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi sai phạm trước pháp luật nhưng Giám đốc vẫn chịu trách nhiệm chính.

Công ty mẹ



Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp

- Mã cổ phiếu: SNZ.
- Địa chỉ: Số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Vốn điều lệ: 3.765.000.000.000 đồng.
- Điện thoại: (0251) 8860 561.
- Fax: (0251) 8860 573.
- Website: sonadezi.com.vn
- Sở hữu DNW: 767.869.200.000 đồng – 63,99%.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 3600335363 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/5/2021.
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Đầu tư phát triển đô thị công nghiệp, khu công nghiệp, khu dân cư.
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc đi thuê.
 - Mua, bán, cho thuê kho bãi và nhà xưởng.
 - Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
 - Khai thác, xử lý và cung cấp nước, kinh doanh vật tư, thiết bị ngành nước.
 - Kinh doanh cầu cảng, bến bãi, kho tàng và các dịch vụ hỗ trợ cho vận tải.
 - Xây dựng nhà các loại.
 - Cho thuê nhà ở.
 - Dịch vụ quản lý môi trường.
 - Dịch vụ du lịch.
 - Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác.



STT

Thông tin

CÔNG TY CON

- | | | |
|---|--|---|
| 1 | Công ty Cổ phần cấp nước Nhơn Trạch | <ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. • Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch. • Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng. • Tỷ lệ sở hữu của Dowaco tại 31/12/2021: 52,44%. |
| 2 | Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh | <ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: số 02 bis Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. • Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, lọc nước và phân phối nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tại các khu dân cư, cung cấp nguồn nước phục vụ cho hoạt động công nghiệp. • Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng. • Tỷ lệ sở hữu của Dowaco tại 31/12/2021: 51,00% |

CÔNG TY LIÊN KẾT

- | | | |
|---|--|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai | <ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Số 52 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. • Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch; lắp đặt đường ống cấp nước, thoát nước, bơm nước • Vốn điều lệ: 23.450.000.000 đồng. • Tỷ lệ sở hữu của Dowaco tại 31/12/2021: 36,00% |
| 2 | Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân | <ul style="list-style-type: none"> • Địa chỉ: Đường Gia Tân 1, ấp Dốc Mỏ 3, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. • Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp; phân phối nước sạch. • Vốn điều lệ: 173.615.162.500 đồng. • Tỷ lệ sở hữu của Dowaco tại 31/12/2021: 25,00% |

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền các biện pháp giáo dục ý thức trách nhiệm nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty với mục tiêu nâng cao thương hiệu, hướng tới khách hàng, vì khách hàng phục vụ. Thực hiện có hiệu quả việc sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý mạng lưới, vận hành, giám sát hoạt động sản xuất tại các nhà máy.
- Tăng cường công tác chủ động phối hợp giữa các bộ phận, phòng ban, chi nhánh đảm bảo đem lại hiệu quả trong thực hiện các nhiệm vụ được giao góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty.
- Thực hiện từng bước tự động hóa trong sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động.
- Tiếp tục công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, người lao động, nâng cao công tác quản trị nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty,
- Tăng cường công tác phát triển khách hàng tại các khu vực do CNCN Thạnh Phú 15.000m³/ngày và dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2) cung cấp; Khu vực huyện Long Thành; các khu vực địa bàn 6 xã lên phường (Hiệp Hòa, Hóa An, Tân Hạnh, An Hòa, Phước Tân, Tam Phước).

Các mục tiêu phát triển bền vững đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.
- Tuân thủ nghiêm ngặt mọi quy phạm của Nhà nước về thi công mạng lưới cấp nước, bảo vệ hệ thống công trình ngầm nói riêng và cơ sở vật chất hạ tầng nói chung; chấp hành pháp luật về tài nguyên nước, bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả tiết kiệm, hạn chế ô nhiễm nguồn nước, bảo vệ an ninh nguồn nước.
- Thực hiện nghiêm chỉnh chương trình sản xuất kinh doanh, thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước thô.
- Xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các cấp cán bộ lãnh đạo quản lý và nhân viên. Tích cực tham gia vào các chương trình an sinh xã hội của địa phương.



CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Năm 2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi quốc gia trên thế giới. Trong nước, làn sóng dịch COVID-19 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy vậy, với những phản ứng nhanh chóng, hiệu quả của chính phủ, nền kinh tế Việt Nam được xem là một điểm sáng trong bức tranh kinh tế âm đạm của toàn thế giới. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2021, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2021 ước tính tăng 2,58% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành năm 2021 ước đạt 2.892 nghìn tỷ đồng, tăng 3,2% so với năm 2020. Tuy đây là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm qua nhưng là kết quả khả quan trong bối cảnh đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp trong nước và trên thế giới.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2021 đạt 31,15 tỷ USD, tăng 9,2% so với năm 2020, cho thấy nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục tin tưởng vào môi trường đầu tư Việt Nam.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài năm 2021 có 61 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 409 triệu USD, tăng 28,6% so với năm 2020.

Ngoài ra, Việt Nam cũng được nhận định là quốc gia hưởng lợi khi Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp khi mà Mỹ liên tục áp thuế và đưa ra các chính sách bất lợi với Trung Quốc. Điều này làm cho các tập đoàn lớn lo lắng và nhanh chóng tái cơ cấu lại chuỗi cung ứng của họ theo hướng giảm sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc, điển hình là 15 công ty Nhật dự kiến chuyển nhà máy sang Việt Nam.

Đối với tỉnh Đồng Nai, địa phương vẫn luôn là một trong những tỉnh thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất, Chính phủ đã thực hiện phê duyệt 35 khu công nghiệp, đến nay đã thành lập 32 khu công nghiệp với tổng diện tích đất tự nhiên đạt hơn 10,2 nghìn ha; 31 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động, và với tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp đang hoạt động đạt gần 81,93%, nhu cầu đối với việc sử dụng nước sạch là rất lớn. Bên cạnh đó, theo quy hoạch về phát triển cấp nước cho các khu đô thị và công nghiệp đến năm 2025, Việt Nam hướng đến các mục tiêu tỷ lệ tiếp cận nước sạch được cung cấp tập trung ở khu đô thị là 100% với tiêu chuẩn tiêu thụ 120 lít/người/ngày.

Trong khi đó, tỷ lệ tiếp cận nước sạch an toàn ở nông thôn chỉ đạt 75%. Đây là những cơ hội lớn cho việc tăng trưởng của các doanh nghiệp ngành cấp nước nói chung và Dowaco nói riêng. Do vậy, Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Dowaco vẫn luôn chủ động xem xét các nhân tố vĩ mô để kịp thời đề ra các biện pháp nhằm mang lại lợi ích tốt nhất cho Công ty và các cổ đông.

Rủi ro pháp luật

Dowaco luôn coi tuân thủ pháp luật là một mục tiêu quan trọng trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty. Mọi thay đổi trong chính sách của chính phủ đều có tác động tới quá trình hoạt động của Công ty. Với vai trò là một doanh nghiệp trong nền kinh tế, Dowaco chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý thuế ... và các văn bản dưới Luật liên quan. Bên cạnh đó, là một công ty đại chúng và đã đăng ký giao dịch tại sàn UPCOM, Công ty cũng chịu ảnh hưởng nhiều từ sự thay đổi, cập nhật của Luật Chứng khoán cùng các Nghị định, Thông tư liên quan. Đặc biệt, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành vào 26/11/2019 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được ban hành vào 17/06/2020 đã cùng có hiệu lực từ 01/01/2021 với nhiều quy định, cơ chế mới thay thế so với các quy định cũ, sẽ góp phần tạo một hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, giúp Công ty có thể hoạt động một cách hiệu quả.



Ngoài ra, khai thác và phân phối nước đến các đô thị, khu công nghiệp - mảng kinh doanh chính của Dowaco còn chịu sự ràng buộc của Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường,... cũng như các quy định về chất lượng nước đến khách hàng mà gần đây là Chỉ thị số 34/CT-TTg ban hành ngày 28/8/2020 về tăng cường công tác quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, bảo đảm cấp nước an toàn, liên tục. Việt Nam ngày càng hội nhập phát triển, đòi hỏi việc phải luôn thay đổi, cập nhật để hệ thống pháp lý được hoàn thiện hơn. Sự thay đổi của Luật và các văn bản dưới Luật sẽ có ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động vận hành doanh nghiệp, đòi hỏi Ban Lãnh đạo Công ty phải thận trọng và kịp thời cập nhật các thay đổi để đảm bảo giảm rủi ro về mặt quản trị, cơ chế quản lý xuống mức thấp nhất.

Rủi ro thất thoát nước

Đối với các doanh nghiệp ngành cấp nước, tỷ lệ thất thoát nước luôn là yếu tố được quan tâm hàng đầu, là một tiêu chí trong quản lý tài nguyên của Công ty. Nước rò rỉ được phân theo hai dạng chính là loại dễ thấy (nước tràn trên mặt đất) và loại khó thấy (nước chảy ngầm dưới lòng đất, chảy vào hệ thống cống thoát nước, đường ống nước có đoạn đi qua cầu, qua suối...) nên việc kiểm soát thất thoát rất khó khăn. So sánh với các nước trong cùng khu vực, tỷ lệ thất thoát nước tại Việt Nam luôn nằm trong nhóm cao, gây lãng phí lớn.

Nguyên nhân thất thoát nước lớn là do hệ thống đường ống cấp nước ở nhiều đô thị quá cũ, có nhiều tuyến ống sử dụng lâu năm nên tình trạng đường ống nước bị vỡ khiến nước bị rò rỉ hoặc chảy tràn lan ra ngoài là điều dễ thấy. Ngoài ra còn có cả sự gian lận trong sử dụng nước của một bộ phận người dân còn thiếu ý thức chấp hành quy định dẫn đến nguồn nước sạch bị thất thoát trầm trọng. Trước thực trạng trên, Dowaco đã lên phương pháp kiểm tra, sửa chữa, thay thế các đoạn hư hỏng, rò rỉ đồng thời áp dụng công nghệ thông tin trong thực hiện quản lý mạng lưới tuyến ống, tài sản. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện giám sát thi công các tuyến ống hộ hùn, đồng hồ khách hàng đảm bảo đúng hồ sơ thiết kế.



Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác

Cũng như các doanh nghiệp khai thác và cung cấp nước khác, Dowaco lấy nguồn đầu vào từ các sông, các hồ, mạch nước ngầm thuộc khu vực như sông Đồng Nai, hồ Trị An, Gia Ui ... Tuy nhiên, khu vực này cũng là nơi tập trung nhiều doanh nghiệp, khu công nghiệp và đất sản xuất nông nghiệp. Tình trạng ô nhiễm do không sử dụng hệ thống xử lý nước thải đúng chuẩn, xả rác ven sông, hồ, các sản phẩm hóa học phục vụ nông nghiệp làm suy giảm chất lượng nguồn nước đầu vào của công ty.

Bên cạnh các yếu tố thuộc về con người, thời tiết cũng đóng vai trò quan trọng trong trữ lượng cũng như chất lượng của nguồn nước đầu vào. Tình hình thời tiết năm 2020 khá khắc nghiệt, đầu năm nắng gắt, hạn hán, cuối năm mưa bão, và dự báo tình hình năm 2021 nghiêm trọng hơn do hậu quả của biến đổi khí hậu mà Việt Nam là một trong những nước chịu nhiều ảnh hưởng nhất. Có thể thấy, Công ty sẽ phải tiếp tục đối diện những khó khăn để đem lại nguồn nước sạch cho khách hàng.

Rủi ro giá cả đầu ra

Do cung cấp nước sạch được quy định là dịch vụ công ích đồng thời lại được quy định là hoạt động sản xuất kinh doanh chịu sự kiểm soát của Nhà nước nên giá bán sản phẩm Công ty phải thực hiện theo Quyết định số 20/2014/QĐ - UBND ngày 23/05/2014 về việc ban hành giá cung cấp nước máy trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và không thể chủ động trong việc điều chỉnh giá cung cấp nước tức thời. Các doanh nghiệp hoạt động trong ngành nghề này cần phải tuân thủ các quy định của Pháp luật về khai thác, sản xuất và cung cấp nước. Hơn nữa, giá bán nước luôn được Nhà nước điều chỉnh để hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và đối tượng sử dụng nước. Để đảm bảo lợi ích chung, Nhà nước ban hành ra các khung giá về nước áp dụng cho các khu vực và đối tượng khác nhau, chính vì thế giá bán nước tại một số thời điểm chưa được điều chỉnh kịp thời so với tình hình giá cả thị trường nên có khả năng ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Chính vì vậy, kiểm soát tốt tỷ lệ thất thoát nước, giữ gìn nguồn nguyên liệu đầu vào là việc Dowaco tập trung đẩy mạnh hiện nay nhằm hạn chế tối đa rủi ro về giá.

Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch, thiên tai, hỏa hoạn,... Những rủi ro này mặc dù khó xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ có thể sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền đồng thời linh hoạt trong điều chỉnh kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- *Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh*
 - *Tổ chức và nhân sự*
 - *Tình hình đầu tư, thực hiện dự án*
 - *Tình hình tài chính*
 - *Cơ cấu cổ đông*
 - *Báo cáo phát triển bền vững*
-



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

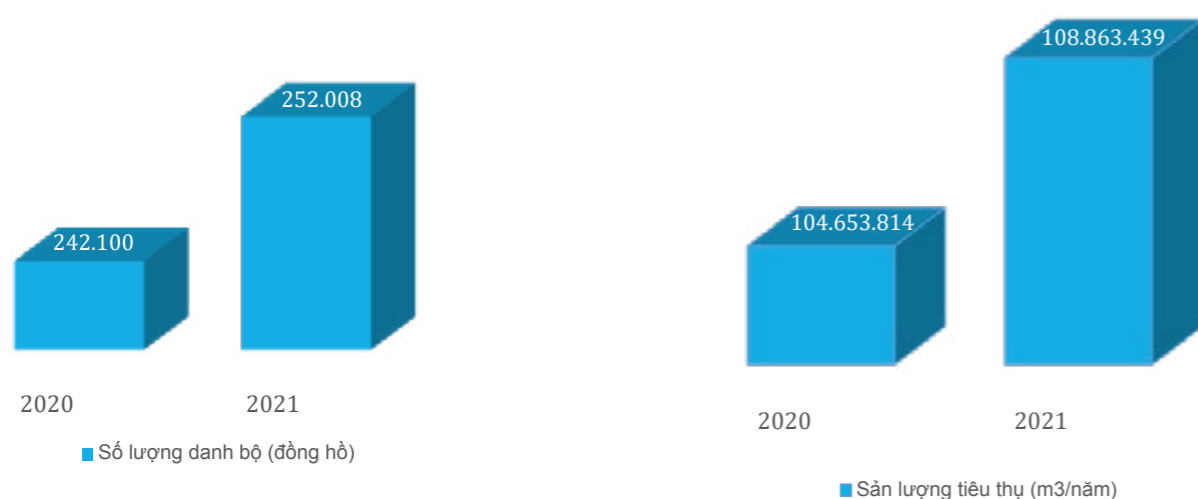
Sản lượng nước sản xuất

Căn cứ chuẩn thu tháng 12/2021 tình hình cung cấp nước thể hiện qua bảng số liệu sau

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	%TH2021/TH2020
Số lượng danh bộ (đồng hồ)	242.100	252.008	104%
Sản lượng tiêu thụ (m ³ /năm)	104.653.814	108.863.439	104%

Tính đến thời điểm cuối năm 2021 sản lượng sản xuất đạt 86% công suất thiết kế và giấy phép khai thác được cấp của các nhà máy (374.000/435.240 m³/ngày đêm), sản lượng tiêu thụ đạt 70% (298.000/435.240 m³/ngày đêm), tỷ lệ thất thoát bình quân 20,2%.



Kết quả hoạt động của công ty (hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	%TH2021/TH2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.115.652	1.155.796	103,60%
Lợi nhuận trước thuế	172.390	427.474	247,97%
Lợi nhuận sau thuế	161.823	403.336	249,25%

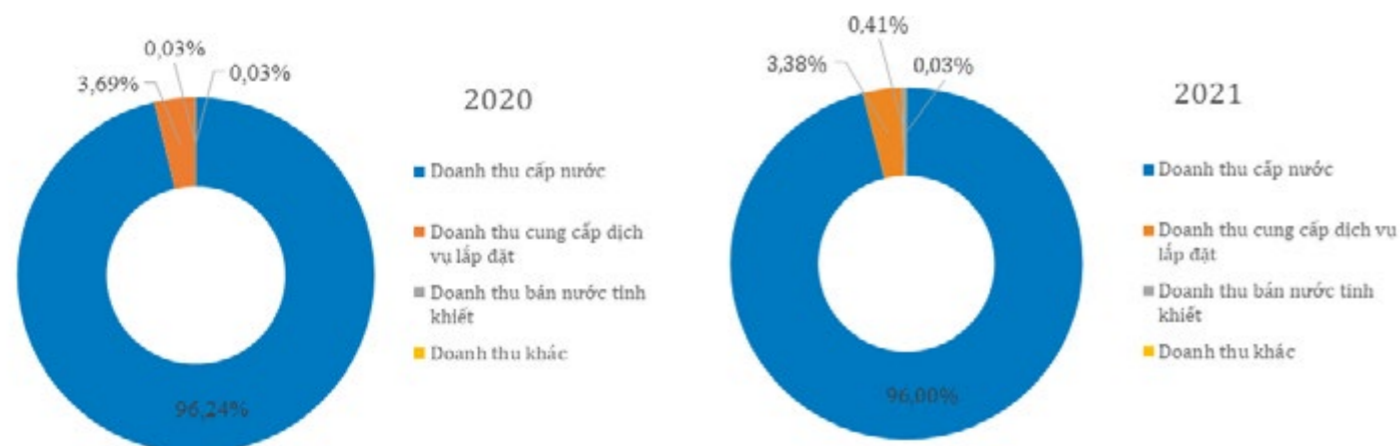
Trong năm qua, đại dịch Covid-19 bùng phát và kéo dài, gây ảnh hưởng lớn đến việc sản xuất kinh doanh của DNW và toàn tỉnh Đồng Nai nói chung. Dù vậy, DNW đã hoàn thành và vượt kế hoạch ở nhiều chỉ tiêu. Trong đó, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 vượt 3,6%; lợi nhuận trước thuế vượt 147,97%; lợi nhuận sau thuế vượt 149,25%, bảo toàn được lực lượng lao động trong đại dịch, đảm bảo công ăn việc làm và đời sống cho người lao động.



Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu cung cấp nước	1.073.756	96,24%	1.111.645	96,18%
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	41.195	3,69%	39.064	3,38%
Doanh thu bán nước tinh khiết	345	0,03%	4.695	0,41%
Doanh thu khác	356	0,03%	392	0,03%
Tổng cộng	1.115.652	100%	1.155.796	100%



Năm 2021 là một năm hết sức khó khăn đối với nền kinh tế tỉnh Đồng Nai nói chung và Công ty CP Cấp nước Đồng Nai nói riêng, dịch bệnh bùng phát mạnh, giãn cách xã hội kéo dài đã ảnh hưởng rất nhiều đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, tuy nhiên nhờ sự hỗ trợ của các cấp chính quyền, sự chỉ đạo của Tổng Công ty Sonadezi và đặc biệt là sự điều hành của Ban lãnh đạo Công ty, cùng với sự nỗ lực của toàn thể CBCNV đã giúp tình hình hoạt động của Công ty luôn ổn định và hoàn thành kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.

Riêng hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt và tỷ lệ thất thoát bình quân chưa đạt được theo kế hoạch đề ra theo số liệu công ty mẹ (Doanh thu xây lắp kế hoạch: 37 tỷ đồng, thực hiện: hơn 33,4 tỷ đồng; tỷ lệ thất thoát nước kế hoạch: 19,4% thực hiện: 20,2%); nguyên nhân là do dịch bệnh kéo dài, Công ty phải thực hiện giãn cách xã hội theo qui định của Nhà nước nên việc triển khai lắp đặt cho khách hàng mới cũng như công tác cải tạo sửa chữa phục vụ phòng chống thất thoát phải tạm ngưng trong khoảng thời gian dài.

Doanh thu nước uống đóng chai Doriv theo báo cáo hợp nhất đạt gần 5 tỷ đồng vượt nhiều so với kế hoạch, nguyên nhân tăng đột biến là do trong những tháng giãn cách xã hội để thực hiện phòng chống dịch Covid 19, Tổng Công ty Sonadezi và các đơn vị thành viên, cùng các đối tác của Dowaco thường xuyên thực hiện chương trình tài trợ nước uống cho các bệnh viện dã chiến, các khu cách ly tập trung, khu phong tỏa, qua đó giúp việc tiêu thụ sản phẩm tăng cao. Doanh thu tài chính hợp nhất đạt hơn 144 tỷ đồng là do phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ hơn 126 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận sau thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tăng đột biến.

Trong công tác sản xuất các đơn vị chi nhánh đã thực hiện tốt việc vận hành các nhà máy cũng như các chính sách Công ty đề ra góp phần hoàn thành kế hoạch chung của Công ty. Công tác tiết giảm chi phí tiếp tục được Ban điều hành Công ty quan tâm thực hiện tốt, qua đó giúp lợi nhuận đạt được theo kế hoạch.

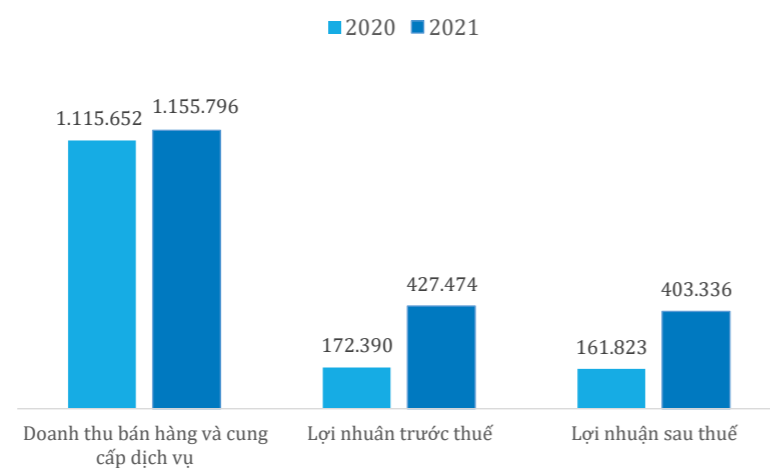




Kết quả hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	%TH2021/TH2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.115.652	1.155.796	103,60%
Lợi nhuận trước thuế	172.390	427.474	247,97%
Lợi nhuận sau thuế	161.823	403.336	249,25%



Có thể nói, năm 2021 là một năm khá thành công của Dowaco khi mà lợi nhuận sau thuế tăng cao nhất từ trước tới nay khi ghi nhận 403.336 triệu đồng với mức tăng 149,25% dù doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ chỉ tăng nhẹ 3,6% so với năm 2020. Góp phần vào mức tăng mạnh này là nhờ doanh thu từ hoạt động tài chính khi tăng từ 6.680 triệu đồng lên 144.622 triệu đồng, bao gồm lãi từ tiền gửi ngân hàng, chênh lệch tỷ giá. Các chi phí liên quan có xu hướng chững lại hoặc chỉ tăng nhẹ không đáng kể và chiếm tỉ trọng khá thấp, trong đó ghi nhận chi phí tài chính giảm mạnh 71,47% từ 155.965 triệu đồng xuống 44.503 triệu đồng. Năm 2021 vừa qua công ty rất quản lý rất tốt các chi phí hoạt động trong tình hình dịch bệnh đe dọa nền kinh tế Việt Nam và nổi bật nhất khi có lợi nhuận sau thuế cao so với ngành.



Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Bà Phạm Thị Hồng	Giám đốc
2	Ông Đặng Văn Chất	Phó Giám đốc
3	Ông Nguyễn Cao Hà	Phó Giám đốc
4	Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng

BÀ PHẠM THỊ HỒNG Giám đốc

- Năm sinh: 1979.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2021: 25.000.000 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 25.000.000 cổ phần, chiếm 25% vốn điều lệ.

ÔNG ĐẶNG VĂN CHẤT Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1977.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2021: 10.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 0 cổ phần.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 10.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.

ÔNG NGUYỄN CAO HÀ Phó Giám đốc

- Năm sinh: 1971.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính;
Thạc sĩ Kinh doanh và quản lý.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2021: 10.010.600 cổ phần, chiếm 10,01% vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 10.600 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 10.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.

BÀ NGUYỄN THU OANH Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1969.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán.
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2021: 28.800 cổ phần, chiếm 0,03 vốn điều lệ.
- Số cổ phần cá nhân sở hữu: 28.800 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
- Số cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2021: không có

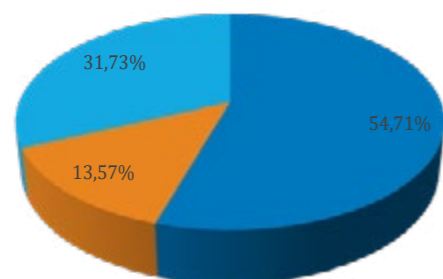


Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	892	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	488	54,71%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	121	13,57%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	283	31,73%
II	Theo loại hợp đồng lao động	892	100%
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	89	9,98%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	803	90,02%
III	Theo giới tính	892	100%
1	Nam	594	66,59%
2	Nữ	298	33,41%

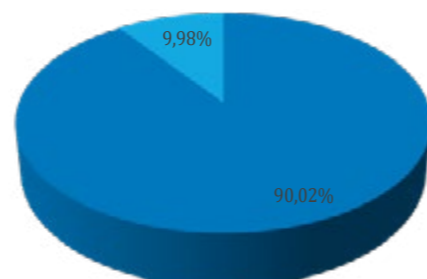
Theo trình độ lao động

■ Trình độ đại học, trên đại học ■ Trình độ cao đẳng, trung cấp ■ Công nhân kỹ thuật



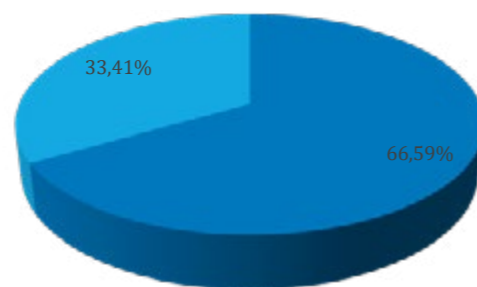
Theo loại hợp đồng lao động

■ Hợp đồng không xác định thời hạn ■ Hợp đồng xác định thời hạn từ 1-3 năm



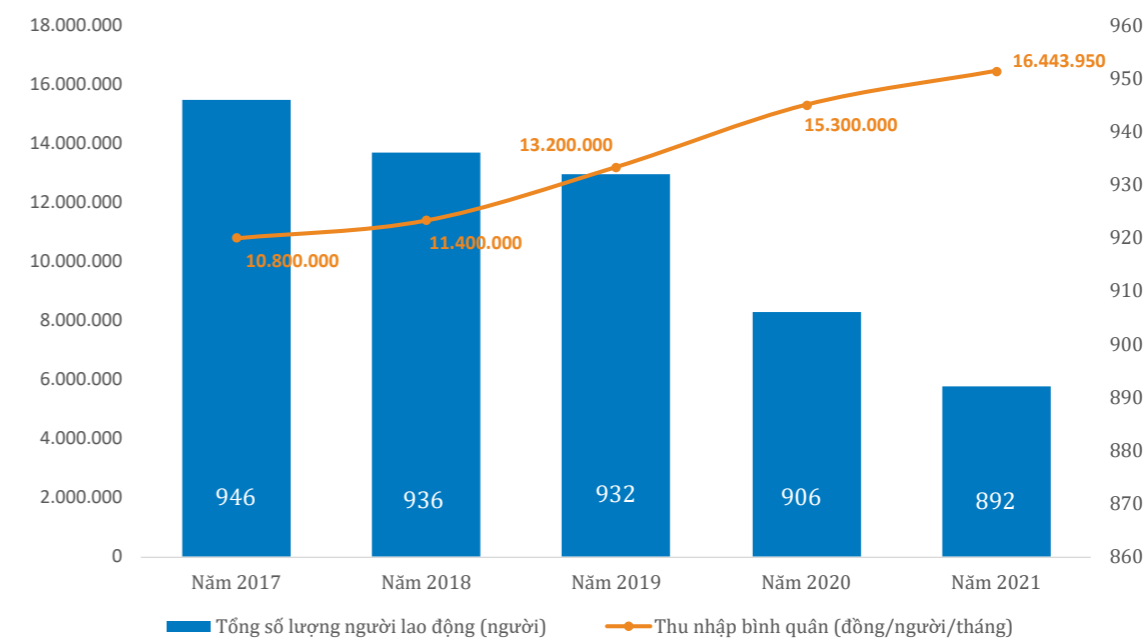
Theo giới tính

■ Nam ■ Nữ



Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	946	936	932	906	892
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.800.000	11.400.000	13.200.000	15.300.000	16.443.950



Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hệ thống quản lý chất lượng. Công tác đào tạo và đào tạo lại hàng năm được thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp. Các chương trình đào tạo chú trọng vào nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật và nhận thức của CBCNV về quản lý kinh doanh, an toàn lao động và an toàn vệ sinh,... từ đó nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm đầu ra. Riêng lao động cần nâng cao tay nghề khi phát sinh những quy trình công nghệ mới đều được gửi đi đào tạo chuyên sâu trực tiếp tại các đơn vị.

Chính sách thu hút nhân tài thì Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các CBCNV giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty. Do ảnh hưởng dịch Covid-19, trong năm 2021, Công ty chưa tổ chức/tham gia các khóa đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và quản trị công ty.

Về tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Nhân sự được tuyển dụng không chỉ có năng lực phù hợp mà còn được định hướng phát triển nghề nghiệp và gắn bó lâu dài cùng Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe gồm các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Trong năm 2021, HĐQT Công ty đã ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao và phúc lợi mới của Công ty

Chính sách lương

Điều 1: Thời điểm trả lương căn cứ ghi trên hợp đồng lao động và được thanh toán làm 2 lần vào ngày 20 của tháng hiện tại và ngày 5 của tháng liền kề.

Đơn giá trả lương được căn cứ vào mức lương được ghi trên hợp đồng lao động cá nhân. Người lao động khi lãnh lương phải biết được mọi khoản lương được lãnh của mình.

Điều 2: Căn cứ vào quy định của luật lao động 2019 và quy chế tiền lương của công ty, tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều phải qua thời gian thử việc và được hưởng 85% lương căn bản theo chức danh công việc hoặc theo Bộ luật hiện hành. Sau thời gian thử việc nếu người lao động được chính thức ký hợp đồng tuyển dụng thì sẽ được hưởng 100% lương căn bản theo chức danh công việc.

Điều 3: Nếu có nhu cầu làm thêm giờ thì người lao động được trả lương làm thêm giờ theo điều 97 Chương VI của Bộ luật lao động đã được sửa đổi và theo quy định của Bộ luật lao động hiện hành.

- Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%.
- Vào ngày nghỉ hàng tuần, ít nhất bằng 200%.
- Vào ngày Lễ, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300%.
- Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường.
- Người lao động làm việc thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương theo quy định, người lao động còn được trả thêm 20% tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc ban ngày.

Khen thưởng

Chế độ khen thưởng (do doanh nghiệp định mức thực hiện theo Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về tiền lương) và theo Quy chế lương và Nội quy lao động Công ty, Thưởng ít nhất 01 tháng lương (tháng lương thứ 13) cho Người lao động theo mức lương trên HĐLĐ và tùy vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các phúc lợi khác

Được trích từ chi phí của Công ty, Quỹ khen thưởng phúc lợi các khoản chăm lo cho người lao động cụ thể như sau:

- Hằng năm, tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ mát một lần, về chi phí tùy theo tình hình kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động.



Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

Đến ngày 31/12/2021 chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang là: 155.086.316.974 đồng, bao gồm các công trình cơ bản như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Công trình	Giá trị
1	Dự án cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2	15.217.210.954
2	Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1 và 2	105.636.735.409
3	Tuyến ống cấp nước HDPE D300 từ ngã tư Vũng Tàu về CN Biên Hòa	16.617.077.199
4	Các dự án khác	17.615.293.412
Tổng cộng		155.086.316.974

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên việc đầu tư xây dựng cơ bản trong năm không đạt được theo kế hoạch đã đề ra. Các dự án hầu hết đều được triển khai bắt đầu từ quý 4/2021 (sau khi hết thực hiện giãn cách xã hội).

Tình hình thực hiện các dự án

STT	Dự án	Tiến độ
1	HTCN Nhơn Trạch GĐ1, công suất 100.000m ³ /ngày	Đang chờ ý kiến của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh TMĐT phục vụ công tác quyết toán Vốn đầu tư
2	HTCN Nhơn Trạch GĐ 2, công suất 100.000m ³ /ngày	- Tạm ngưng việc thực hiện dự án và không tiếp tục sử dụng vốn vay; - Đang thảo luận với Tư vấn về các khoản thanh toán còn lại của hợp đồng Dịch vụ Tư vấn
3	Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2, công suất 100.000m ³ /ngày	Chủ đầu tư và nhà thầu Kumho đang thảo luận về khoản tiền còn lại của hợp đồng xây lắp theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước
4	Tuyến ống cấp nước tăng cường cho Phương Long Bình Tân – QL51	- Khởi công ngày 15/12/2021 (gia hạn đến ngày 15/3/2022). - Hiện đang thi công.
5	Tuyến ống phân phối tại các hẻm xã Phú Vinh-Định Quán	- Khởi công ngày 03/11/2021 (gia hạn đến ngày 12/3/2022). - Hiện đang thi công.

STT	Dự án	Tiến độ
6	Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D400 từ ngã 3 Trại An về cầu Sông Thao	- Khởi công ngày 27/11/2021 (gia hạn đến ngày 10/4/2022). - Hiện đang thi công.
7	Cải tạo hệ thống Dàn cào bùn bể lắng 1,2 Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch	- Khởi công ngày 14/12/2021 (dự kiến hoàn thành vào ngày 26/3/2022). - Nhà thầu thi công đang thực hiện.
8	Lắp đặt tuyến ống HDPE đường Lý Thường Kiệt xã Tam An, Long Thành	- Khởi công ngày 22/10/2021 (gia hạn đến ngày 17/02/2022). - Hiện đang thi công.
9	Nhà điều hành trạm bơm tăng áp Long Thành	- Đang thực hiện các thủ tục về đất đai; kết hợp thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu (xây lắp, giám sát, bảo hiểm)
10	Tuyến ống cấp nước HDPE D300 từ ngã 3 vũng tàu về chi nhánh cấp nước Biên Hòa	- Khởi công ngày 19/04/2021 (dự kiến gia hạn 15/3/2022). - Đã thi công đạt 98% khối lượng hợp đồng.
11	Hệ thống cấp nước xã Quảng Tiến, Trảng Bom	- Khởi công ngày 03/11/2021 (gia hạn đến ngày 25/3/2022). - Hiện đang thi công.
12	Lắp đặt tuyến ống cấp nước DT768 từ cầu Rạch Trôm đến đường Cộ Cây Xoài, KCN Tân An	- Khởi công ngày 25/10/2021 (gia hạn đến ngày 31/3/2022). - Hiện đang thi công.
13	Hệ thống cấp nước xã Sông Trầu, Trảng Bom	- Khởi công ngày 03/11/2021 (gia hạn đến ngày 10/3/2022). - Hiện đang thi công.
14	Hệ thống cấp nước xã Xuân Thành, Xuân Lộc	- Hoàn thành lập, thẩm tra, thẩm định và duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật. - Đang thực hiện công tác.
15	Sửa chữa thay thế dây trần thành dây bọc tuyến 477 Thiện Tân, thay thế thiết bị đóng cắt trung thế và lắp đặt chống sét lan truyền trên đường dây	- Hoàn thành lập, thẩm tra, thẩm định và duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật. - Đang thực hiện công tác.



Đầu tư tài chính

Tổng giá trị khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác đến ngày 31/12/2021 là: 158.349 triệu đồng, doanh thu từ đầu tư tài chính năm 2021 là: 9.513 triệu đồng thể hiện qua bảng số liệu sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Giá trị khoản đầu tư đầu kỳ	Giá trị khoản đầu tư cuối kỳ	Tỷ lệ góp vốn/ VDL	Vốn CSH của cty con, cty liên kết	Tỷ lệ cổ tức	Giá trị
I	Đầu tư vào công ty con	103.729	103.729	-	-	-	8.205
1	Công ty CPCN Nhơn Trạch	90.979	90.979	52,44%	100.000	12%	6.292
2	Công ty CPCN Long Khánh	12.750	12.750	51%	25.000	15%	1.913
II	Đầu tư vào công ty liên kết	32.800	51.550	-	-	-	1.013
1	Cty CP Dịch vụ & XD cấp nước	7.800	7.800	36%	16.750	12%	1.013
2	Công ty CP CN Gia Tân	25.000	43.750	25%	173.615	-	-
III	Đầu tư tài chính khác	3.070	3.070	-	-	-	295
1	Cty CP Sonadezi Châu Đức	1.040	1.040	0,10%	1.000.000	10%	95
2	Cty CP dịch vụ Sonadezi	2.030	2.030	2%	50.000	20%	200
	Tổng cộng	139.599	158.349	-	-	-	9.513

Nhìn chung các công ty có vốn góp hoạt động có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

Riêng Công ty CP cấp nước Gia Tân (Giwaco), tính đến thời điểm 31/12/2021 số lỗ lũy kế hơn 51 tỷ đồng, trong đó lỗ của riêng năm 2021 là 30 tỷ đồng; với giá trị của khoản đầu tư vào Giwaco, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính tại thời điểm 31/12/2021 là 12,8 tỷ đồng.

Trong năm, Giwaco đã tiến hành tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, HĐQT Dowaco đã thống nhất tiếp tục tham gia góp vốn tăng thêm tại Giwaco để duy trì tỷ lệ sở hữu 25% (giá trị góp thêm là 25 tỷ đồng chia làm 04 đợt, đến thời điểm 31/12/2021 Công ty đã góp được 18,75 tỷ đồng).

“Nước sạch cho cuộc sống xanh”



Tình hình tài chính

Tình hình tài chính (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

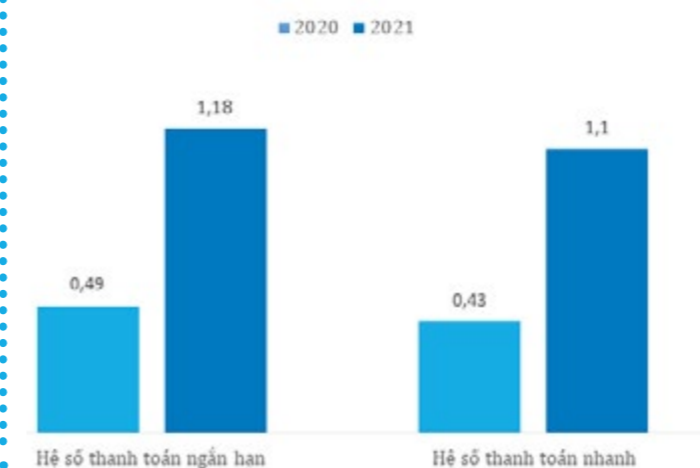
STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	3.549.473	3.770.627	106,23%
2	Doanh thu thuần	1.115.640	1.155.791	103,60%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	167.777	420.020	250,34%
4	Lợi nhuận khác	4.614	7.454	161,55%
5	Lợi nhuận trước thuế	172.390	427.474	247,97%
6	Lợi nhuận sau thuế	161.823	403.336	249,25%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,49	1,18
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,43	1,10
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	57,97	45,79
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	137,90	84,47
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	16,29	15,70
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,31	0,32
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,50	24,22
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	11,00	15,83
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,48	7,65
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	15,04	25,40

Nhìn chung, các chỉ số tài chính của Công ty đã được cải thiện hơn rất nhiều so với năm 2020, trong năm Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ đồng, khoản thu từ việc tăng vốn đã được Công ty ưu tiên thực hiện trả trước một phần nợ vay dài hạn cũng như khoản nợ các nhà thầu xây dựng. Các chỉ tiêu khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, thanh toán nhanh hầu như được đảm bảo. Các chỉ số về tỷ suất sinh lời năm 2021 cao đột biến là do tình hình biến động của tỷ giá tại thời điểm cuối năm làm cho lãi chênh lệch tỷ giá năm 2021 tăng so với năm 2020 (năm 2020: lỗ 87 tỷ đồng; năm 2021: lãi 126 tỷ đồng). Hệ số bảo toàn vốn: $1,39 > 1$; công ty bảo toàn và phát triển vốn.

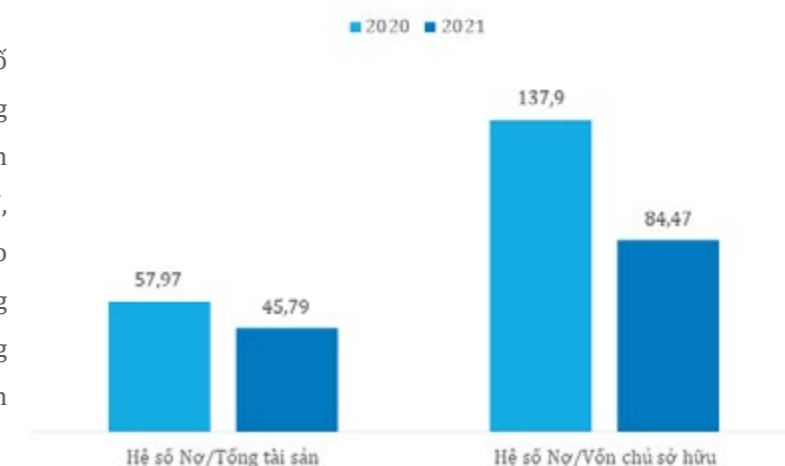
Khả năng thanh toán



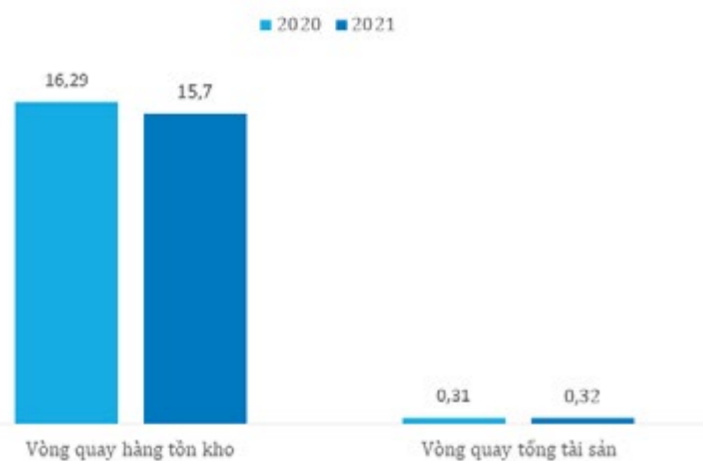
Tình hình hoạt động kinh doanh có bước nhảy vọt nên tình hình thanh khoản của công ty được cải thiện rõ rệt. Hệ số thanh toán nhanh năm 2021 của công ty đều lớn hơn 1 cho thấy doanh nghiệp có khả năng cao trong việc sẵn sàng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Tỷ số càng cao càng đảm bảo khả năng chi trả của doanh nghiệp, tính thanh khoản ở mức cao. Nguyên nhân chính đến từ việc tài sản ngắn hạn tăng mạnh hơn 2 lần năm 2020, trong khi đó nợ ngắn hạn gần như chững lại.

Cơ cấu vốn

Khả năng thanh toán được cải thiện kéo theo hệ số đòn bẩy tài chính được tối ưu hơn. Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu đều giảm lần lượt từ 57,97 xuống 45,79 và từ 137,9 xuống 84,47, điều này làm giảm các rủi ro về thanh khoản và rủi ro tài chính/vỡ nợ. Vì Nợ phải trả năm 2021 của công ty giảm hơn 19% tương đương 300 tỷ đồng trong khi tổng tài sản và vốn chủ sở hữu đều tăng trên 40% khoảng từ 222 tỷ đồng đến hơn 500 tỷ đồng.



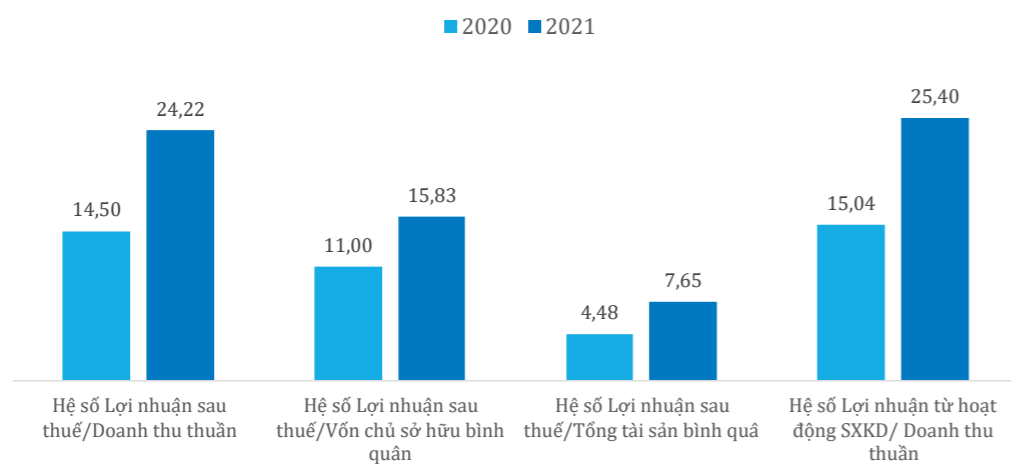
Năng lực hoạt động



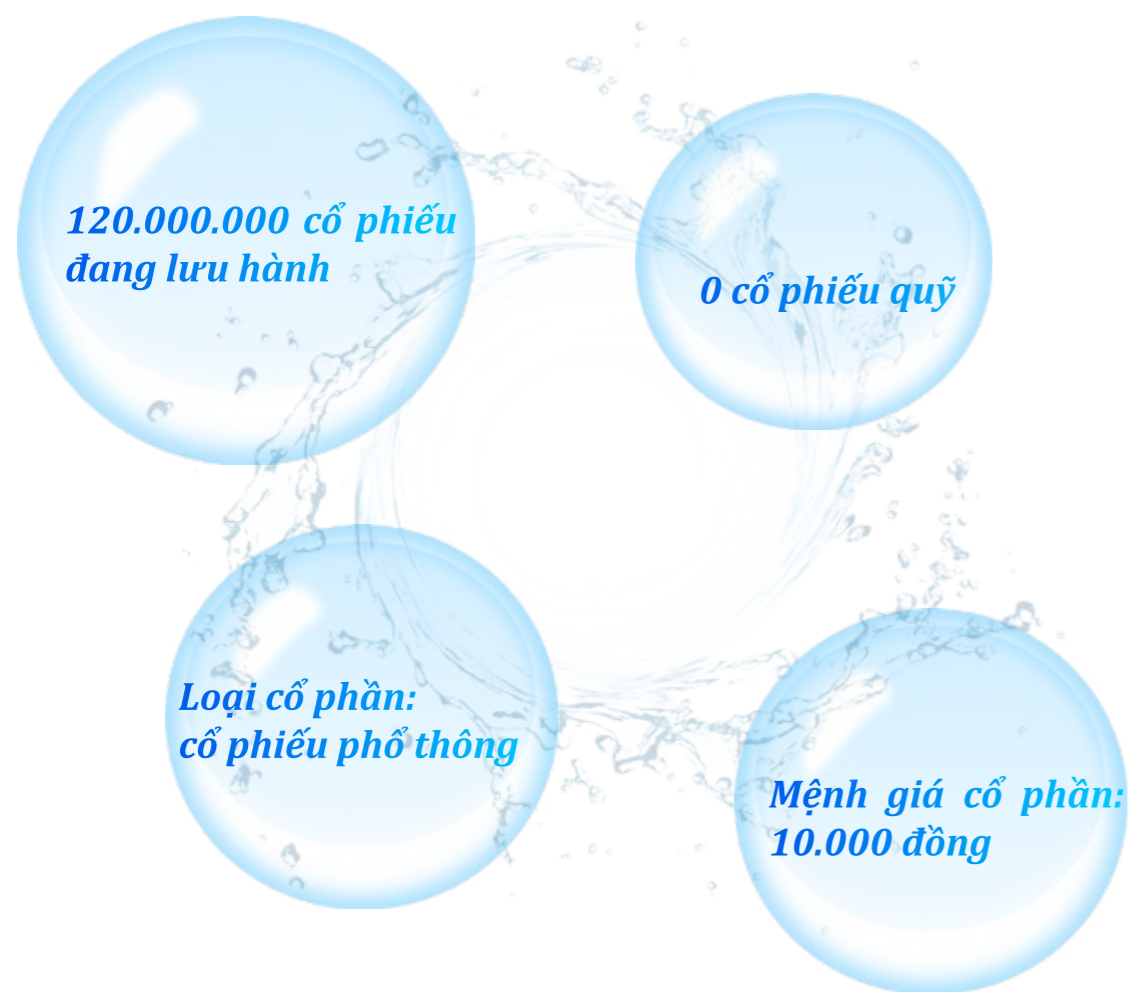
Nhìn chung, năm 2021 vừa qua về khả năng quản trị hàng tồn kho và độ hiệu quả trong việc tạo ra doanh thu của công ty không có nhiều khác biệt so với năm 2020. Dù chỉ số này không thay đổi hoặc giảm rất ít trong năm 2021 nhưng bù lại, lợi nhuận của công ty lại có sự phát triển vượt ngoài mong đợi trong giai đoạn dịch bệnh còn nhiều khó khăn.

Khả năng sinh lời

Với nhóm hệ số khả năng sinh lời, có thể dễ dàng thấy được sự vượt trội của công ty trong việc quản lý tài sản và nguồn vốn để tạo ra lợi nhuận hiệu quả như thế nào trong suốt năm 2021 khi so với năm 2020. Cụ thể mọi chỉ tiêu khả năng sinh lời đều tăng hơn 40% so với cùng kì. Trong đó tăng mạnh nhất là Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA) tăng từ 4,48% năm 2020 đến 7,65% năm 2021, mức tăng hơn 70%. Theo sau là Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần từ 15,04% lên 25,40% và Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần từ 14,5% lên 24,22%, cả hai chỉ số này đều tăng hơn 67%. Và cuối cùng, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) tăng hơn 43%, từ 11% lên 15,83%. Cho thấy công ty đã tạo ra lợi nhuận có hiệu quả với 1 đồng nguồn vốn của mình như tài sản và vốn chủ sở hữu.



Cơ cấu cổ đông



Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2021, HĐQT đã tiếp tục chỉ đạo và giám sát Ban điều hành hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.200.000.000 đồng thông qua việc phát hành bổ sung 20.000.000 cổ phiếu bằng việc chào bán cho cổ đông hiện hữu.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có

Cơ cấu cổ đông (chốt đến ngày 20/9/2021)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
I	Cổ đông trong nước	905	119.944.600	1.199.446	99,95%
1	Cổ đông nhà nước	1	76.786.920	767.869	63,99%
2	Cổ đông tổ chức	4	36.173.419	361.734	30,14%
3	Cổ đông cá nhân	900	6.984.261	69.843	5,82%
II	Cổ đông nước ngoài	4	55.400	554	0,05%
1	Cá nhân	2	38.600	386	0,03%
2	Tổ chức	2	16.800	168	0,01%
Tổng cộng		909	120.000.000	1.200.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	76.786.920	63,99%
Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	Số 11, Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương	21.240.000	17,70%
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Số 11B, Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương.	14.475.399	12,06%

Báo cáo phát triển bền vững

Tác động lên môi trường

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang diễn ra mạnh mẽ, nhân loại đang phải đối mặt với các nguy cơ đến từ việc hiệu ứng khí nhà kính, băng tan, mực nước biển dâng lên... Các bên liên quan đang yêu cầu các doanh nghiệp giải trình về trách nhiệm của mình trong những vấn đề này. Là một doanh nghiệp phục vụ công ích và cung cấp nguồn nước nên chúng tôi kiểm soát chặt chẽ việc phát thải để đảm bảo một quy trình sản xuất thân thiện với môi trường và cộng đồng. Để hạn chế thấp nhất những rủi ro có thể xảy ra, Công ty tạo điều kiện cho CBCNV học hỏi, trao đổi thêm kiến thức từ công tác nhân sự, tài chính, kỹ thuật, an toàn lao động... liên quan đến những hoạt động chính yếu cũng như phụ trợ của công ty để từ đó có những đề xuất xử lý can thiệp phù hợp và kịp thời nhất.

Luôn tuân thủ các quy trình và thủ tục lấy nước thô của chính quyền và địa phương cho các nhà máy xử lý nước.

Hoàn thiện hồ sơ cam kết môi trường khi bắt đầu dự án mới. Phối hợp vận hành với các nhà máy nước và đội quản lý mạng cấp nước nhằm kiểm soát và tiết kiệm được lượng điện năng, hóa chất tiêu thụ một cách hiệu quả.

Xây dựng quy định, cũng như các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn điện theo chương trình tiết kiệm điện của các sở ban ngành.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất nước sạch bao gồm một số hóa chất xử lý nước theo quy định phù hợp với tiêu chuẩn nước ăn uống như vôi, phèn, clo, PAC... Những nguyên vật liệu này được Dowaco bảo quản trong điều kiện tốt nhất và thực hiện các công tác kiểm tra, thay thế, bổ sung định kỳ để đảm bảo tình trạng tốt nhất của nguyên vật liệu khi đưa vào sản xuất.

Hàng năm Công ty rà soát và lên kế hoạch thực hiện công tác sửa chữa ống cũ mục để đảm bảo cung cấp nước sạch cho khách hàng và tránh thất thoát nước. Thực hiện nghiêm chế độ bảo vệ hệ thống công trình ngầm đô thị trong thi công hệ thống cấp nước trên địa bàn phục vụ.



Tiêu thụ năng lượng, nước

Việc tiêu thụ năng lượng và tiêu thụ nước chủ yếu dùng để phục vụ cho hoạt động tại văn phòng làm việc. Công ty tiếp tục thực hiện việc sử dụng điện nước tiết kiệm để tiết kiệm chi phí cho Công ty. Công ty đã thực hiện triển khai lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tại văn phòng làm việc, góp phần giảm được chi phí tiền điện tại văn phòng Công ty.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo vệ hệ thống các công trình ngầm đô thị trong thi công hệ thống cấp nước trên địa bàn phục vụ; xem nước sạch là sản phẩm phục vụ nhu cầu thiết yếu cho đời sống cộng đồng, duy trì hoạt động cấp nước đến khách hàng để bảo đảm nhu cầu sử dụng nước sạch cho tất cả dân cư và các tổ chức trên địa bàn phục vụ.

Chính sách liên quan đến người lao động

Với mục tiêu đóng góp cho cộng đồng thông qua sản phẩm và dịch vụ của Công ty, với từng dự án được triển khai, Công ty đều có sự chú trọng đến tác động xã hội trong công tác tuyển dụng, đào tạo, kiến tạo môi trường làm việc và cộng đồng trong khu vực của dự án. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công việc luôn có sự ưu tiên cho lao động tại địa phương nơi dự án hình thành và phát triển. Công ty đặc biệt quan tâm đến các chính sách, chế độ tiền lương cho người lao động, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tương xứng với sự phát triển của công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng. Công ty cũng hay phát động chương trình Ủng hộ người nghèo, từ thiện, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt thiên tai... góp phần tích cực vào chương trình an sinh xã hội của chính phủ.



Báo cáo của Ban Giám đốc

- *Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh*
- *Tình hình tài chính*
- *Những cải tiến trong năm 2021*
- *Kế hoạch phát triển trong tương lai*
- *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty*

Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh

Thuận lợi

- Sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của UBND Tỉnh, các Sở ban ngành và chính quyền các địa phương đặc biệt là của Tổng công ty Sonadezi đã tạo thuận lợi rất lớn, có tác động tích cực đến những kết quả trên mọi mặt hoạt động của Công ty.
- Sự quyết tâm thực hiện chức trách nhiệm vụ của lãnh đạo Công ty và sự đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng của toàn thể CB.CNV Công ty.



Khó khăn

- Đối với dự án vốn vay ODA: HTCN Nhơn Trạch, HTCN Thiện Tân giai đoạn 1: việc tái lấn chiếm đất của tuyến ống chuyển tải tại địa bàn các phường xã đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc cấp nước an toàn. Dự án HTCN Nhơn Trạch (giai đoạn 2) đang trong giai đoạn thẩm định Hồ sơ Thiết kế chi tiết và chờ ý kiến chỉ đạo của cơ quan cấp trên về các bước tiếp theo của dự án.
- Do tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và việc thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch nên doanh thu từ hoạt động thi công, xây lắp bị giảm ảnh hưởng đến tổng doanh thu của Công ty. Bên cạnh đó, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản cũng không triển khai thi công được ảnh hưởng đến chỉ tiêu đầu tư xây dựng cơ bản, tỷ lệ thất thoát 20,2% tăng 0,8% so với kế hoạch đề ra.
- Đối với các dự án đầu tư bằng vốn vay thương mại vốn tự có: Trình tự thực hiện kéo dài.
- Về giá nước máy hiện nay đang áp dụng được xây dựng trên mặt bằng giá năm 2014, chi phí nguyên liệu đầu vào phục vụ cho sản xuất nước máy tăng đã làm cho giá thành sản xuất nước của Công ty tăng nhiều so với năm 2014.

Tình hình hoạt động của Dowaco năm 2021

STT	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	Tỷ lệ % so KH
1	Sản lượng nước				
	- Lượng nước sản xuất	m3	133.940.000	136.481.3254	102
	- Sản lượng nước ghi thu	m3	107.955.000	109.110.598	101
2	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	19,4	20,2	+ 0,8
3	Doanh thu (Loại CLTG)	Tr.đồng	1.030.000	1.046.932	102
	- Doanh thu nước	Tr.đồng	975.000	977.789	100,3
	- Doanh thu xây lắp	Tr.đồng	37.000	33.425	90,3
	- Doanh thu HĐTC (Loại CLTG)	Tr.đồng	12.000	24.090	200,8
	- Doanh thu nước Doriv	Tr.đồng	1.000	4.772	477
	- Doanh thu khác	Tr.đồng	5.000	6.856	137
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	250.000	393.601	157,4
	- Lợi nhuận hoạt động SXKD	Tr.đồng	250.000	267.107	106,8
	- Lãi chênh lệch tỷ giá	Tr.đồng	-	126.494	
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	237.500	373.123	157,1
	- Lợi nhuận hoạt động SXKD	Tr.đồng	237.500	252.954	106,5
	- Lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá	Tr.đồng	-	120.169	-
6	Các khoản phải nộp NS	Tr.đồng	90.000	101.862	113,2
7	Các khoản đã nộp NS	Tr.đồng		85.783	
8	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đồng	320.000	124.457	38,9

Tình hình hoạt động tại công ty con, công ty liên kết

Công ty CP DV và XD Cấp nước Đồng Nai (DVW)

đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2020	TH 2021	%2021/2020
1	Tổng tài sản	74.928	72.788	97%
2	Doanh thu thuần	47.447	57.636	121%
3	Giá vốn hàng bán	30.233	38.776	128%
6	Lợi nhuận gộp	17.214	18.860	110%
7	Lợi nhuận khác	41	141	344%
8	Lợi nhuận trước thuế	6.152	9.237	150%
9	Lợi nhuận sau thuế	5.617	8.345	149%

Công ty CP Cấp nước Long Khánh (LKW)

đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2020	TH 2021	%2021/2020
1	Tổng tài sản	63.574	74.615	117%
2	Doanh thu thuần	48.015	52.209	109%
3	Giá vốn hàng bán	20.734	22.429	108%
6	Lợi nhuận gộp	27.282	29.780	109%
7	Lợi nhuận khác	177	69	39%
8	Lợi nhuận trước thuế	15.033	18.102	120%
9	Lợi nhuận sau thuế	13.807	16.048	116%



Công ty CP Cấp nước Gia Tân

đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2020	TH 2021	%2021/2020
1	Tổng tài sản	290.128	334.717	115%
2	Doanh thu thuần	3.708	7.844	212%
3	Giá vốn hàng bán	9.847	16.027	163%
6	Lợi nhuận gộp	-6.139	-8.183	
7	Lợi nhuận khác	-3.513	5.169	
8	Lợi nhuận trước thuế	-20.766	-30.000	
9	Lợi nhuận sau thuế	-20.766	-30.000	

Công ty CP Cấp nước Nhơn Trạch (NTW)

đơn vị: triệu đồng

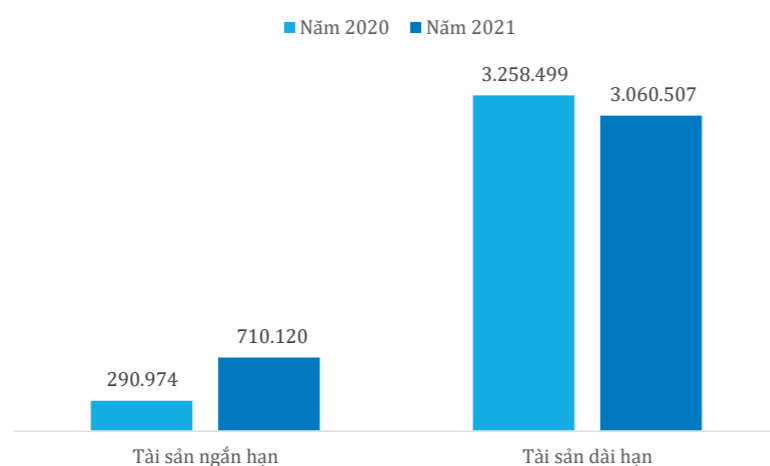
STT	Chỉ tiêu	TH 2020	TH 2021	%2021/2020
1	Tổng tài sản	192.812	212.015	110%
2	Doanh thu thuần	160.359	162.139	101%
3	Giá vốn hàng bán	135.160	136.601	101%
6	Lợi nhuận gộp	25.199	25.539	101%
7	Lợi nhuận khác	240	3.544	1475%
8	Lợi nhuận trước thuế	13.291	16.851	127%
9	Lợi nhuận sau thuế	12.133	15.265	126%

Tình hình tài chính

Tình hình tài sản (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tài sản ngắn hạn	290.974	8,20%	710.120	18,83%
Tài sản dài hạn	3.258.499	91,80%	3.060.507	81,17%
Tổng tài sản	3.549.473	100%	3.770.627	100%

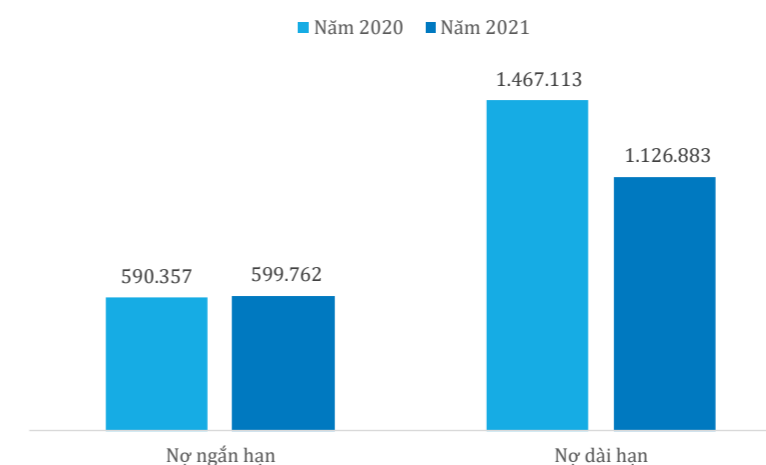


Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	999.438.412.799	480.274.133.242	0,5
Máy móc, thiết bị	1.166.936.485.308	464.470.250.086	0,4
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.762.859.468.738	1.596.893.414.419	0,6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	51.662.654.592	4.215.789.881	0,1
TSCĐ hữu hình khác	7.900.515.048	974.108.309	0,1
Tổng Cộng	4.988.797.536.485	2.546.827.695.937	0,5
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	350.929.202.176	297.760.289.492	0,8
Quy hoạch bản đồ	2.814.843.027	1.042.755.114	0,4
Phần mềm kế toán	2.789.705.088	428.495.100	0,2
Tổng Cộng	356.533.750.291	299.231.539.706	0,8

Tình hình nợ phải trả (Hợp nhất)

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2020		Năm 2021	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	590.357	28,69%	599.762	34,74%
Nợ dài hạn	1.467.113	71,31%	1.126.883	65,26%
Tổng nợ phải trả	2.057.470	100%	1.726.645	100%



Nhìn 1 cách tổng quát có thể thấy, tổng giá trị tài sản công ty năm 2021 tăng hơn 200 tỷ đồng và có xu hướng tăng tỉ trọng tài sản ngắn hạn nhằm đáp ứng các nghĩa vụ còn nợ, các khoản nợ ngắn hạn và bất kỳ chi phí nào mà không phải bán bớt tài sản cố định (vốn là tài sản dài hạn) của công ty. Năm 2021, tổng giá trị nợ phải trả năm 2021 giảm hơn 300 tỷ đồng giảm tỉ trọng nợ dài hạn và tăng đối với nợ ngắn hạn, điều này cho thấy công ty ít sử dụng các đòn bẩy tài chính trong hoạt động sản xuất của công ty mà thay vào đó việc sử dụng vốn tự có thay cho vay từ bên ngoài, làm tăng tính thanh khoản và rủi ro cho công ty.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã nghiên cứu, ứng dụng các cải tiến về công nghệ thông tin, công cụ quản trị mới vào hoạt động sản xuất công ty như lắp đặt các hệ thống giám sát, các cảm biến quan trắc, cải thiện hiệu suất làm việc của Công ty, hướng đến hoàn thành các mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đặt ra.
- Ban Giám đốc và các phòng ban đã xây dựng, cải tiến các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian của cả khách hàng lẫn nhân viên công ty cho công tác xử lý hồ sơ, từ đó cải thiện trải nghiệm khách hàng.
- Công ty đã đưa ra thị trường sản phẩm nước uống tinh khiết đóng chai "DORIV", đa dạng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty trên thị trường. Đây là một nỗ lực mang đến cho khách hàng sản phẩm chất lượng và tiện ích, đồng thời cổ vũ xu hướng tiêu dùng xanh và góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, nguồn nước. Qua đó, Công ty nhấn mạnh chiến lược gắn với slogan "Nước sạch cho cuộc sống xanh".
- Công ty luôn kịp thời sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động, các quy chế nội bộ khác để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Đầu tư máy móc thiết bị, cải thiện cơ sở vật chất cho các đơn vị để nâng cao năng lực sản xuất.
- Đồng thời kết hợp việc mời các chuyên gia, kỹ sư cao cấp hợp tác và tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ trong công ty.
- Tăng cường sự hỗ trợ từ các đơn vị chức năng (phòng hành chính nhân sự, phòng tài chính kế toán...), rút ngắn thời gian thực hiện các công đoạn có liên quan.
- Tăng cường giám sát chất lượng sản phẩm tư vấn thiết kế, tăng cường tiếp nhận phản hồi của khách hàng về chất lượng hồ sơ; Tiếp tục thực hiện quy trình phân công trách nhiệm từ lãnh đạo công ty cho đến chủ nhiệm, chủ trì và cán bộ thiết kế để nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Công ty tích cực và chủ động tham gia các hiệp hội nghề nghiệp, tham gia các diễn đàn, hội thảo chuyên môn, củng cố trang web, và các hoạt động quảng cáo.
- Công ty cùng với các tổ chức, đoàn thể trong Công ty như Đảng ủy, công đoàn, đoàn Thanh niên thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước, tiếp tục chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, tham gia tích cực công tác xã hội.
- Tạo điều kiện để người lao động được tham gia học tập, nâng cao trình độ.
- Xây dựng quy chế năng bậc lương theo hướng công bằng và có lợi cho người lao động.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.035.000
	- Doanh thu kinh doanh nước	Tr.đồng	980.000
	- Doanh thu dịch vụ lắp đặt	Tr.đồng	28.000
	- Doanh thu hoạt động tài chính	Tr.đồng	20.000
	- Doanh thu nước uống Doriv + khác	Tr.đồng	7.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	240.000
	- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr.đồng	240.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	228.000
	- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tr.đồng	228.000
4	Các khoản nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	90.000
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	Tr.đồng	636.000

Kế hoạch đầu tư

Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 1): Tiếp tục phối hợp và thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai và các Sở ban ngành đối với công tác điều chỉnh Tổng mức đầu tư dự án.

Dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2): Tiếp tục thảo luận với Nhà thầu KUMHO về khoản còn lại của Hợp đồng Xây lắp; Yêu cầu Nhà thầu hoàn trả tiền cho Công ty theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước (số tiền hoàn trả khoảng 122.466USD).

Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2): Tiếp tục thảo luận, thống nhất với Tư vấn về các khoản thanh toán còn lại của Hợp đồng Dịch vụ Tư vấn; Yêu cầu Tư vấn hoàn thiện các hồ sơ thanh toán để hoàn tất việc thanh toán cho giai đoạn Thiết kế chi tiết của Dịch vụ Tư vấn chuẩn bị cho việc thanh lý Hợp đồng Dịch vụ Tư vấn khi có chủ trương chính thức của Nhà nước về việc tạm dừng thực hiện dự án và không vay vốn ODA cho dự án này.

Đối với các dự án vốn vay thương mại và vốn khác: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án nhằm đảm bảo phát huy tối đa công suất cấp nước của các nhà máy, góp phần tăng doanh thu, chiếm lĩnh được thị trường, giảm áp lực cạnh tranh từ các nhà đầu tư khác đồng thời đảm bảo đúng các quy định, thủ tục trong đầu tư xây dựng cơ bản.

Đối với các dự án xin vốn vay hỗ trợ cấp nước nông thôn: Tiếp tục thực hiện các thủ tục, hồ sơ khi có văn bản yêu cầu của cấp trên về việc hỗ trợ nguồn vốn theo quy định.

Tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ các tuyến ống. Giám sát chặt chẽ việc quản lý hành lang tuyến ống của các đơn vị được giao quản lý đảm bảo cấp nước an toàn.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Luôn kết hợp thực hiện các nghiên cứu tác động môi trường trong giai đoạn lựa chọn, xây dựng và phát triển dự án.
- Tăng cường công tác kiểm tra chặt chẽ hệ thống tuyến ống và các trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục sửa chữa, duy tu các sự cố hư hỏng xảy ra, nhằm hạn chế tình hình thất thoát nước.
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống máy móc để nâng cao tuổi thọ hoạt động của máy.
- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc lịch trực vận hành, trực xử nước đảm bảo chất lượng đúng quy trình kỹ thuật.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp vào sản xuất để vận hành nhà máy tối ưu nhất.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương

- Cam kết đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng, tăng cường tìm hiểu nhu cầu sử dụng nước sạch tại địa phương nhằm đảm bảo người dân được tiếp cận với nguồn nước chất lượng cao.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng để cập nhật tiêu chuẩn và quy chuẩn an toàn của nguồn nước.
- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật cho người lao động trong công ty, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc, nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân.
- Tiếp tục phát huy các hoạt động chăm sóc cộng đồng trong các năm trước.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Chăm lo đời sống vật chất tinh thần, tổ chức cho CB-CNV đi du lịch hàng năm. Quan tâm chăm sóc các trường hợp bị tai nạn, bị bệnh hiểm nghèo và có cuộc sống khó khăn.
- Công đoàn cơ sở đã tham gia cùng Ban điều hành thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động, như đóng BHXH, BHYT, BHTN, trả lương cho CNVC-LĐ đúng chế độ chính sách, phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo đảm thu nhập ổn định.
- Công ty luôn thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song với đó cần phải đáp ứng được những yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí điều hành quan trọng, công ty đưa ra các yêu cầu tuyển dụng khá gắt gao, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.
- Công ty luôn xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng của từng ngành nghề hoạt động, trình độ, năng lực công việc của từng người và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước.

Đánh giá của Hội đồng quản trị

- *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty*
 - *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty*
 - *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*
-



Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2021, trước tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, Hội đồng quản trị đã tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành đảm bảo hoàn thành mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh vừa đảm bảo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của HĐQT, trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ và thực hiện 13 cuộc lấy ý kiến các TV.HĐQT để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền theo quy định. Các hồ sơ tổ chức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản được thực hiện theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát Công ty. Các thành viên HĐQT đã tham gia cho ý kiến bằng văn bản đầy đủ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao theo nhiệm vụ và các lĩnh vực được phân công phụ trách, hỗ trợ.
- Trong năm, HĐQT đã ban hành 11 Nghị quyết và 27 Quyết định để triển khai thực hiện các công việc, đối với các nội dung đề xuất của Ban điều hành không được đa số các thành viên HĐQT thông qua, HĐQT cũng đã có văn bản trả lời đồng thời có ý kiến chỉ đạo để Ban điều hành có định hướng tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung có liên quan. Đồng thời, thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT cũng đã thực hiện việc ký phê duyệt, ban hành 19 văn bản của Hội đồng quản trị theo thẩm quyền để kịp thời giải quyết các nội dung công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty.
- Về công tác cán bộ, HĐQT đã thông qua kế hoạch luân chuyển, điều động cán bộ năm 2022 do Giám đốc Công ty báo cáo, qua đó Giám đốc Công ty đã ban hành các quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ góp phần nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ của Công ty.
- Hội đồng quản trị cũng đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty, Trưởng nhóm Người đại diện phần vốn Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết thực hiện việc ước kết quả hoạt động SXKD năm 2021, rà soát xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022. Qua đó, soát xét các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của các Công ty con, Công ty liên kết và của Công ty để trình Tổng Công ty Sonadezi và trình HĐQT Công ty xem xét.
- Hội đồng quản trị cũng đảm bảo duy trì thực hiện tốt mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị, Đảng ủy bộ phận và Ban Giám đốc Công ty, HĐQT đã kịp thời báo cáo Đảng ủy bộ phận về tình hình thực hiện các mặt công tác, công tác cán bộ, những chủ trương quan trọng của Công ty.
- Nhìn chung, trong năm 2021 Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế hoạt động của HĐQT Công ty. Hội đồng quản trị Công ty đã có nhiều nỗ lực khắc phục những khó khăn, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hằng năm đề ra. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực tập trung đề các giải pháp chủ yếu sát với tình hình thực tế tại Công ty. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận về cơ bản đã đạt các chỉ tiêu được Tổng Công ty Sonadezi giao và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, riêng tỷ lệ thất thoát nước chưa đạt theo kế hoạch. Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, đời sống vật chất, tinh thần của người lao động không ngừng được nâng cao, an ninh trật tự và an toàn nguồn nước được đảm bảo. Công tác quản lý, điều hành của hội đồng quản trị đã giúp bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty, Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban Giám đốc trong việc nỗ lực đề ra nhiều giải pháp trong quản lý điều hành, khắc phục các khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Trong năm 2021, Ban điều hành Công ty đã rất nỗ lực điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty trong đó chủ yếu tập trung vào công tác phòng chống dịch, nhìn chung công tác phòng chống dịch tại Công ty hiệu quả, đảm bảo an toàn. Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh cơ bản đảm bảo, riêng tỷ lệ thất thoát chưa đạt theo kế hoạch.

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản của Ban Giám đốc Công ty trong năm 2021:

- Về sản lượng nước sản xuất đạt 136,5 triệu m³ (tăng 2% so với kế hoạch); Sản lượng ghi thu đạt 109,1 triệu m³ (tăng 1% so với kế hoạch);
- Về doanh thu đạt 1.046 tỷ (tăng 2% so với kế hoạch);
- Về Lợi nhuận trước thuế (không tính yếu tố chênh lệch tỷ giá) đạt 267,1 tỷ (tăng gần 7% so với kế hoạch);
- Về Lợi nhuận sau thuế (không tính yếu tố chênh lệch tỷ giá) đạt 253 tỷ (tăng 6,5% so với kế hoạch);
- Về các khoản nộp ngân sách đã thực hiện tốt theo kế hoạch đạt 102 tỷ đồng (vượt kế hoạch 13,2%);
- Việc chi trả cổ tức cho cổ đông, phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ thực hiện đúng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua;
- Về tỷ lệ thất thoát nước: Ban Giám đốc Công ty đã tập trung tăng cường triển khai thực hiện các giải pháp cụ thể, thực hiện phân vùng tách mạng tuy nhiên việc giảm tỷ lệ thất thoát đòi hỏi chi phí lớn và thực hiện lâu dài, bên cạnh đó yếu tố về con người và công tác quản lý vẫn còn chưa sâu sát, quyết liệt dẫn đến tỷ lệ thất thoát vẫn ở mức cao 20,2% chưa đạt so với kế hoạch đã đề ra.

Nhìn chung, trong năm 2021, Ban Giám đốc Công ty đã luôn nỗ lực, bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Ban Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với sự nỗ lực và những kết quả đã đạt được trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục phát huy các mặt đã đạt được đồng thời xác định một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2022 như sau:

Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của Công ty theo đúng định hướng và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Luôn tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, đề ra các giải pháp tích cực trong hoạch định chiến lược của Công ty.

Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành, thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất và đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Tổng Công ty Sonadezi giao năm 2022.

Tăng cường các giải pháp trong quản lý điều hành, khắc phục khó khăn nỗ lực phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Tiếp tục đẩy mạnh và quản lý sâu sát hơn để phấn đấu giảm tỷ lệ thất thoát nước.



Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành trong việc phối hợp với các cơ quan chức năng, đề xuất các giải pháp để giải quyết các nội dung còn tồn đọng đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ODA, đồng thời tiếp tục triển khai thực hiện các dự án theo kế hoạch, mở rộng các dự án mở rộng mạng lưới cấp nước góp phần tăng doanh thu, phát triển khách hàng cho Công ty.

Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, kiện toàn các phòng ban đội để tăng cường chức năng tham mưu, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Chú trọng công tác tổ chức cán bộ, kế hoạch luân chuyển, điều động cán bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác quản lý, điều hành.

Tăng cường công tác bồi dưỡng, đánh giá, sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, người đại diện phần vốn, người lao động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty. Quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trẻ đảm bảo năng lực, phẩm chất, đạo đức, lối sống tạo nguồn cán bộ lãnh kế cận cho Công ty. Đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động và cổ đông của Công ty.

Tăng cường công tác quản lý đối với người đại diện phần vốn tại các Công ty con, Công ty liên kết theo trong việc đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy chế quản lý, đánh giá người đại diện phần vốn, đồng thời đảm bảo việc triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh tại các Công ty con, Công ty liên kết theo đúng định hướng xây dựng và thực hiện các giải pháp để phấn đấu đạt các chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2022.

“Nước sạch cho cuộc sống xanh”



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- *Hội đồng quản trị*
 - *Ban kiểm soát*
 - *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích*
-



Hội đồng quản trị

Thành phần và cơ cấu HĐQT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch	Đại diện: 12.000.000 Cá nhân: 0	Đại diện: 10% Cá nhân: 0%
2	Ông Nguyễn Văn Thiên	Phó Chủ tịch	Đại diện: 21.240.000 Cá nhân: 0	Đại diện: 17,7% Cá nhân: 0%
3	Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên	Đại diện: 30.000.000 Cá nhân: 0	Đại diện: 25% Cá nhân: 0%
4	Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên	Đại diện: 12.000.000 Cá nhân: 12.720	Đại diện: 10% Cá nhân: 0,01%
5	Ông Trần Trung Chiến	Thành viên	Đại diện: 0 Cá nhân: 0	Đại diện: 0% Cá nhân: 0%
6	Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	Đại diện: 0 Cá nhân: 0	Đại diện: 0% Cá nhân: 0%
7	Ông Võ Văn Bình	Thành viên	Đại diện: 0 Cá nhân: 0	Đại diện: 0% Cá nhân: 0%

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch	4/4	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Thiên	Phó Chủ tịch	4/4	100%	
3	Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên	4/4	100%	
4	Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên	4/4	100%	
5	Ông Trần Trung Chiến	Thành viên	3/4	75%	Công tác đột xuất
6	Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên	4/4	100%	
7	Ông Võ Văn Bình	Thành viên	4/4	100%	

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc. Các thành viên thực hiện chức trách nhiệm vụ theo nội dung tại bảng phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT.

Đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty

- HĐQT gồm 7 thành viên, trong đó 03 thành viên kiêm nhiệm trong ban Giám đốc Công ty. HĐQT đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên và các thành viên đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của mình phù hợp với quy định pháp luật, điều lệ của Công ty.
- HĐQT đã tổ chức và duy trì đều đặn các phiên họp định kỳ. Thường xuyên giám sát hoạt động của ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quy chế, Quyết định theo đúng định hướng, chiến lược phát triển của Công ty. Các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên của HĐQT (hoặc người được ủy quyền dự họp) và có biên bản họp sau khi kết thúc.
- Đối với công tác tăng vốn điều lệ, HĐQT đã thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục hồ sơ theo quy định và hoàn thành theo kế hoạch đề ra.
- HĐQT đã thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.
- HĐQT đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2020 theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành trong việc rà soát, xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết Quyết định của HĐQT Công ty. Tham mưu cho HĐQT Công ty trong việc xây dựng Điều lệ và các Quy chế của Công ty theo quy định pháp luật mới.

Tại các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới báo cáo HĐQT Công ty dành giá, xem xét có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Hội đồng quản trị thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các nội dung còn tồn đọng đối với các dự án vốn ODA, đồng thời tiếp tục đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư theo kế hoạch, mở rộng mạng lưới cấp nước

Trong năm 2021. HĐQT đã tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Ban điều hành tập trung thực hiện hoàn thành việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 1.200.000.000 đồng, cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông, đồng thời báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty theo đúng quy định. Thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2020 cho cổ đông của Công ty.

Hội đồng quản trị giám sát việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Giám sát việc báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đảm bảo theo đúng quy định.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi, giám sát và giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành, đồng thời đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, cơ cấu tổ chức... của Công ty.

Các Nghị quyết được ban hành trong năm 2021 như sau

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	05/01/2021	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
2	02/NQ-HĐQT	20/01/2021	Về việc ký kết hợp đồng kinh tế cung cấp nước uống tinh khiết Doriv với bên có liên quan.
3	03/NQ-HĐQT	01/3/2021	Thông qua việc chốt ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHCĐ thường niên năm 2021 của Công ty.
4	04/NQ-HĐQT	16/3/2021	<p>Nghị quyết thông qua các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Thông qua kết quả chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Thông qua danh sách phân bổ 48.904 cổ phiếu chưa phân phối hết của đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT Công ty năm 2020; Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và Quý 2/2021. Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2020; các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Thông qua Quyết toán Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2021 và thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua Quyết toán quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2020; Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2021.
5	05/NQ-HĐQT	30/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai. Thống nhất Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chủ trì, phối hợp cùng Ban Giám đốc Công ty và các phòng ban liên quan thực hiện rà soát, xem xét thông qua các hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của các Công ty con, Công ty liên kết. Thống nhất giới thiệu nhân sự đề cử làm người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần cấp nước Gia Tân. Hội đồng quản trị ghi nhận các nội dung và giao Ban Điều hành tiếp tục xem xét các nội dung báo cáo Hội đồng quản trị Công ty về việc phối hợp thực hiện Dự án Xa lộ nước Long Thành theo đề nghị của Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương.
6	06/NQ-HĐQT	05/4/2021	Thôi cử, cử nhân sự làm người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
7	07/NQ-HĐQT	14/4/2021	Thông qua việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ của Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai do tăng vốn điều lệ sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.
8	08/NQ-HĐQT	12/5/2021	Thông qua việc thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo quy định của pháp luật hiện hành đối với 20.000.000 cổ phiếu phát hành thêm từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng (chào bán cho cổ đông hiện hữu).
9	09/NQ-HĐQT	02/6/2021	Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc soát xét các BCTC riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
10	10/NQ-HĐQT	27/7/2021	Chấp thuận việc đầu tư mua cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân để duy trì tỷ lệ sở hữu 25% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân.
11	11/NQ-HĐQT	26/8/2021	<p>Thông qua việc chi trả cổ tức năm 2020:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ngày đăng ký cuối cùng: 20/9/2021. Tỷ lệ thực hiện: 10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng) Tổng số tiền chia cổ tức (10%/VĐL): 120.000.000.000 đồng. Hình thức chi trả: Bằng tiền Thời gian thực hiện chi trả cổ tức: 20/10/2021.



Các Quyết định được ban hành trong năm 2021 như sau

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	15/01/2021	Về việc chi lương cho Người quản lý, điều hành năm 2020
2	02/QĐ-HĐQT	25/01/2021	Về việc tiền thưởng cho Người quản lý, điều hành
3	03/QĐ-HĐQT	25/01/2021	Về việc công nhận đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và công nhận danh hiệu thi đua cấp cơ sở năm 2020 đối với các tập thể Công ty con, Công ty liên kết thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
4	04/QĐ-HĐQT	02/02/2021	Về việc chi tiền thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty
5	05/QĐ-HĐQT	02/02/2021	Về việc chi lương cho Người quản lý, điều hành năm 2020
6	06/QĐ-HĐQT	04/02/2021	Về việc giao nhiệm vụ năm 2021 cho nhóm Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh
7	07/QĐ-HĐQT	04/02/2021	Về việc giao nhiệm vụ năm 2021 cho nhóm Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch
8	08/QĐ-HĐQT	04/02/2021	Về việc giao nhiệm vụ năm 2021 cho nhóm Người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Dịch vụ & Xây dựng Cấp nước Đồng Nai
9	09/QĐ-HĐQT	01/3/2021	Về việc ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao và phúc lợi của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai
10	10/QĐ-HĐQT	12/3/2021	Về việc chi tiền lương bổ sung cho Người quản lý chuyên trách
11	11/QĐ-HĐQT	05/4/2021	Về việc thôi cử, cử nhân sự làm Người đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai và để cử tham gia vào Ban quản lý điều hành tại Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân.
12	12/QĐ-HĐQT	26/4/2021	Về việc chi tiền lương Người quản lý chuyên trách
13	13/QĐ-HĐQT	18/5/2021	Về việc chi thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty
14	14/QĐ-HĐQT	01/6/2021	Về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
15	15/QĐ-HĐQT	30/8/2021	Về việc chi thưởng Người quản lý chuyên trách
16	16/QĐ-HĐQT	01/10/2021	Về việc chi tiền lương Người quản lý chuyên trách
17	17/QĐ-HĐQT	06/10/2021	Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao và phúc lợi của Công ty.
18	18/QĐ-HĐQT	22/10/2021	Chấp thuận cho người đại diện phần vốn Công ty tại Công ty CPCN Nhơn Trạch đi thăm thân nhân tại Canada
19	19/QĐ-HĐQT	20/12/2021	Về việc chi tiền lương Người quản lý chuyên trách

STT	Số quyết định	Ngày	Nội dung
20	20/QĐ-HĐQT	27/12/2021	Về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua khen thưởng của Công ty
21	21/QĐ-HĐQT	29/12/2021	Về việc chi tiền lương Người quản lý điều hành
22	22/QĐ-HĐQT	29/12/2021	Về việc chi tiền thưởng Ban quản lý điều hành
23	23/QĐ-HĐQT	29/12/2021	Về việc củng cố và kiện toàn hội đồng thi đua khen thưởng Công ty
24	24/QĐ-HĐQT	29/12/2021	Về việc củng cố và kiện toàn Hội đồng thẩm định sáng kiến của Công ty
25	25/QĐ-HĐQT	31/12/2021	Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao và phúc lợi của Công ty.
26	26/QĐ-HĐQT	31/12/2021	Về việc bãi bỏ các quyết định ban hành quy chế làm việc của các phòng, ban, đội trực thuộc Công ty ban hành từ năm 2015
27	27/QĐ-HĐQT	31/12/2021	Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Quản lý Ghi thu



Ban Kiểm soát

Cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Công Hiếu	Trưởng Ban	-	-
2	Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên	4.786.920 (đại diện sở hữu)	3,99%
3	Bà Tăng Tố Vân	Thành viên	-	-

Các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Công Hiếu	Trưởng Ban	2/2	100%	
2	Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên	2/2	100%	
3	Bà Tăng Tố Vân	Thành viên	2/2	100%	

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- HĐQT, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích chung của Công ty và theo các quy định Công ty.
- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, họp giao ban hàng tháng nhằm nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty cũng như các quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc giúp cho công tác giám sát thuận tiện hơn.
- Ban Kiểm soát đã tham gia phối hợp góp ý việc ban hành các quy chế, quy trình của Công ty và các công việc khác khi có yêu cầu.
- Các đơn vị, bộ phận đã phối hợp cung cấp các tài liệu, hồ sơ giúp Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.
- Đối với cổ đông: Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông.

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Đối với việc giám sát hoạt động của HĐQT

- Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát HĐQT trong việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Quy chế hoạt động đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.
- Ban Kiểm soát được tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các nội dung cuộc họp được xem xét thảo luận thông qua để ban hành Nghị quyết triển khai thực hiện đảm bảo đúng thẩm quyền của HĐQT.
- Đối với các nội dung HĐQT lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền giữa các kỳ họp định kỳ, HĐQT đều có cung cấp tài liệu và thông tin đến Ban Kiểm soát.

Đối với việc giám sát hoạt động của Ban Giám đốc

- Ban Kiểm soát đã thường xuyên giám sát tình hình hoạt động của Ban Giám đốc, thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình tài chính, báo cáo tài chính, việc thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động của Công ty.
- Ban Kiểm soát được tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ nhằm đánh giá kết quả thực hiện, triển khai các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng của Công ty giữa Ban Giám đốc Công ty và các đơn vị trực thuộc qua đó giám sát được hoạt động quản lý điều hành của Ban Giám đốc trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và Nghị quyết của HĐQT Công ty.
- Nhìn chung, trong năm 2021 các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đảm bảo theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2021 đã thông qua.

Đối với cổ đông

- Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị			360.000.000	672.000.000	1.032.000.000
1	Ông Đặng Văn Chất	CT. HĐQT	-	-	96.000.000	96.000.000
2	Ông Nguyễn Văn Thiên	PCT. HĐQT	-	90.000.000	96.000.000	186.000.000
3	Bà Phạm Thị Hồng	TV.HĐQT	-	-	96.000.000	96.000.000
4	Ông Nguyễn Cao Hà	TV.HĐQT	-	-	96.000.000	96.000.000
5	Ông Võ Văn Bình	TV.HĐQT	-	90.000.000	96.000.000	186.000.000
6	Ông Trần Trung Chiến	TV.HĐQT	-	90.000.000	96.000.000	186.000.000
7	Ông Phạm Anh Tuấn	TV.HĐQT	-	90.000.000	96.000.000	186.000.000
II	Ban Kiểm soát					
1	Ông Nguyễn Công Hiếu	TV.BKS	946.086.500	52.900.000	-	974.786.500
2	Bà Tăng Tố Vân	TV.BKS	-	40.000.000	60.000.000	100.000.000
3	Ông Nguyễn An Quốc	TV.BKS	-	40.000.000	60.000.000	100.000.000
III	Ban Giám đốc		3.556.229.500	338.700.000		3.894.929.500
1	Phạm Thị Hồng	Giám đốc	1.392.035.000	112.900.000	-	1.504.935.000
2	Đặng Văn Chất	Phó Giám đốc	1.124.287.500	112.900.000	-	1.237.187.500
3	Nguyễn Cao Hà	Phó Giám đốc	1.039.907.000	112.900.000	-	1.152.807.000
IV	Người quản lý khác		919.354.160	52.300.000		971.654.160
1	Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	919.354.160	52.300.000	-	971.654.160

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành: Không có.

Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác: Không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ nhằm đảm bảo Công ty được vận hành suôn sẻ; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích chung của công ty nói chung và của các cổ đông nói riêng; tạo mọi điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả.
- HĐQT đã triển khai thực hiện các vấn đề của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông một cách nhanh chóng và phù hợp; Hội đồng quản trị nghiên cứu, xem xét cụ thể các tham vấn của cổ đông để có những phương hướng hợp lý nhằm đáp ứng mong mỏi của cổ động về hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả và lợi nhuận cho Công ty, cho cổ đông.

Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ & XDCN Đồng Nai	TVHĐQT là NQL trong 3 năm gần nhất	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Chuyển nhượng vật tư, điện. - Thi công lắp đặt công trình đồng hồ điện tử. - Thuê dịch vụ thi công lắp đặt TOCN.	3.100
2	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (Giwaco)	TVHĐQT là NQL trong 3 năm gần nhất	Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv)	1
3	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (SZL)	TVHĐQT là NQL trong 3 năm gần nhất	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv)	68.200
4	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (SZB)	TVHĐQT là NQL trong 3 năm gần nhất	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv)	51.200
5	Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền (SZG)	TVHĐQT là NQL trong 3 năm gần nhất	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv)	22.800
6	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (SZC)	TVHĐQT là NQL trong 3 năm gần nhất	Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv)	8.700
7	Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận (SZT)	TVHĐQT là NQL trong 3 năm gần nhất	Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv)	6

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 68,2 tỷ đồng
2	Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT và BKS	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 51,2 tỷ đồng
3	Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 22,8 tỷ đồng
4	Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 8,7 triệu đồng
5	Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: ~ 6 triệu đồng
6	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Tổ chức có liên quan với TV.HĐQT	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 1 triệu đồng
7	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Công ty con	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (bán nước sạch qua đồng hồ tổng và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 74,5 tỷ đồng
8	Công ty Cổ phần Dịch vụ & XDCN Đồng Nai	Tổ chức có liên quan đến Người đại diện theo ủy quyền của Công ty	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Chuyển nhượng vật tư, điện. - Thi công lắp đặt công trình đồng hồ điện từ D100. - Thuê dịch công thi công lắp đặt TOCN. - Tổng giá trị giao dịch: 3,1 tỷ đồng
9	Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty thành viên của Tổng Công ty Sonadezi	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Thuê dịch vụ thi công Gói thầu số 3 (Xây lắp) Dự án Cải tạo TOCN trạm bơm Gia Ray; - Thi công lắp đặt HTCN cho KCN Sông Mây - Tổng giá trị giao dịch: 9,5 tỷ đồng

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Thời điểm giao dịch	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
10	Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Công ty thành viên của Tổng Công ty Sonadezi	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv) - Thuê dịch vụ thi công xây dựng Dự án: Nâng công suất NMN Gia Ray từ 7.000 lên 15.000m ³ /ngày và sửa chữa đường nội bộ; sửa chữa trạm bơm và và bộ phận phòng ban CNCN Xuân Lộc. - Tổng giá trị giao dịch: 3,4 tỷ đồng
11	Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty thành viên của Tổng Công ty Sonadezi	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). - Thuê dịch vụ vận chuyển xử lý rác thải; chăm sóc cây kiếng. - Tổng giá trị giao dịch: 1,4 tỷ đồng
12	Trường Cao đẳng CN&QT Sonadezi	Công ty thành viên của Tổng Công ty Sonadezi	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). - Thuê dịch vụ vận chuyển xử lý rác thải; chăm sóc cây kiếng. - Tổng giá trị giao dịch: 1,4 tỷ đồng
13	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị CN số 2	Công ty thành viên của Tổng Công ty Sonadezi	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 604 triệu đồng
14	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty thành viên của Tổng Công ty Sonadezi	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 656 triệu đồng
15	Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	Công ty thành viên của Tổng Công ty Sonadezi	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 526,2 triệu đồng
16	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Vật liệu Đồng Nai	Công ty thành viên của Tổng Công ty Sonadezi	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). - Tổng giá trị giao dịch: 140,4 triệu đồng
17	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Công ty thành viên của Tổng Công ty Sonadezi	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch và nước uống Doriv). - Tổng giá trị giao dịch: 81,1 triệu đồng
18	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty thành viên của Tổng Công ty Sonadezi	2021	- Bán hàng hóa dịch vụ (nước sạch). - Tổng giá trị giao dịch: 31,4 triệu đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2021

- *Ý kiến kiểm toán*
- *Báo cáo tài chính*



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
 Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 ktvhn@a-c.com.vn
 Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 ktvnt@a-c.com.vn
 Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 ktvct@a-c.com.vn



Số: 1.0370/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 11 tháng 3 năm 2022, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 08 tháng 3 năm 2021.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Hoàng Thái Vượng - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		710.119.791.548	290.974.001.515
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	254.191.905.361	109.266.207.775
1. Tiền	111		81.191.905.361	33.266.207.775
2. Các khoản tương đương tiền	112		173.000.000.000	76.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		316.608.705.892	70.266.296.247
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	316.608.705.892	70.266.296.247
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83.568.296.375	58.618.399.903
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	59.313.779.729	46.544.709.918
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	16.764.695.375	5.388.173.194
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	10.790.772.934	9.308.723.075
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.300.951.663)	(2.623.206.284)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		51.142.832.910	38.429.755.572
1. Hàng tồn kho	141	V.7	51.142.832.910	38.429.755.572
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.608.051.010	14.393.342.018
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	297.634.387	516.029.224
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.735.396.590	5.219.969.326
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	575.020.033	8.657.343.468
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.060.507.240.814	3.258.499.339.909
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.846.059.235.643	3.047.596.832.122
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.546.827.695.937	2.741.071.906.187
- Nguyên giá	222		4.988.797.536.485	4.910.934.677.694
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.441.969.840.548)	(2.169.862.771.507)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	299.231.539.706	306.524.925.935
- Nguyên giá	228		356.533.750.291	356.143.750.291
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(57.302.210.585)	(49.618.824.356)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	872.756.069	923.546.489
- Nguyên giá	231		1.269.760.507	1.269.760.507
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(397.004.438)	(346.214.018)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		155.086.316.974	151.825.683.398
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	155.086.316.974	151.825.683.398
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		50.450.184.157	37.626.594.646
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	47.380.461.667	34.556.872.156
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	3.069.722.490	3.069.722.490
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.038.747.971	20.526.683.254
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.038.747.971	20.506.809.191
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	19.874.063
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.770.627.032.362	3.549.473.341.424

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.726.644.726.658	2.057.470.374.875
I. Nợ ngắn hạn	310		599.761.962.263	590.357.403.663
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	57.659.525.874	60.274.204.660
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14a	12.472.716.071	11.420.832.359
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	14.454.324.701	6.963.585.924
4. Phải trả người lao động	314	V.16	62.789.242.522	53.132.070.574
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	18.588.437.098	23.350.205.292
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	11.893.758.223	10.205.644.570
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	391.763.636.204	407.046.758.564
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	940.190.000	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	29.200.131.570	17.964.101.720
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.126.882.764.395	1.467.112.971.212
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.14b	6.669.755.089	3.867.902.036
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	2.888.609.664	2.955.796.132
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	1.117.324.399.642	1.460.289.273.044
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.043.982.305.704	1.492.002.966.549
I. Vốn chủ sở hữu	410		2.043.982.305.704	1.492.002.966.549
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	1.200.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.200.000.000.000	1.000.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	118.520.157.819	18.764.721.167
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.22	26.218.693.500	26.218.693.500
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	V.22	(64.235.766.100)	(64.235.766.100)
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	121.215.711.275	93.575.720.084
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	530.802.302.248	310.885.049.040
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		145.009.245.981	310.885.049.040
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		385.793.056.267	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.22	111.461.206.962	106.794.548.858
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.770.627.032.362	3.549.473.341.424


Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Đồng Nai, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Phạm Thị Hồng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.155.796.335.808	1.115.651.528.121
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.955.700	12.002.701
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.155.791.380.108	1.115.639.525.420
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	702.922.823.143	667.886.576.723
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		452.868.556.965	447.752.948.697
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	144.622.353.767	6.680.110.287
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	44.502.854.963	155.965.690.200
Trong đó: chi phí lãi vay	23		44.481.599.712	68.431.454.795
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	(4.913.370.489)	(3.696.319.785)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	65.699.974.682	65.033.574.831
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	62.355.070.919	61.960.842.729
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		420.019.639.679	167.776.631.439
12. Thu nhập khác	31	VI.7	11.107.770.463	6.099.151.174
13. Chi phí khác	32	VI.8	3.653.280.494	1.485.383.839
14. Lợi nhuận khác	40		7.454.489.969	4.613.767.335
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		427.474.129.648	172.390.398.774
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	24.117.824.123	10.467.983.469
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		19.874.063	99.370.313
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		403.336.431.462	161.823.044.992
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		388.212.079.073	149.286.960.504
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		15.124.352.389	12.536.084.488
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3.065	1.336
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	3.065	1.336

Đồng Nai, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Trần Hoàng Anh Phương
Người lậpNguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởngPhạm Thị Hồng
Giám đốc**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		427.474.129.648	172.390.398.774
2. Điều chỉnh cho các khoản:		V.9, V.10,		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11	279.841.245.690	241.159.847.518
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.20	1.617.935.379	374.451.576
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	(126.494.266.726)	87.319.178.816
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b, VI.3	(10.464.067.008)	(4.969.408.786)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	44.481.599.712	68.431.454.795
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		616.456.576.695	564.705.922.693
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.250.173.275)	33.478.680.674
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.713.077.338)	5.122.669.468
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.748.481.298	(10.418.817.956)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		13.855.359.545	19.294.618.006
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.4	(47.032.625.120)	(61.833.615.837)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(7.804.205.840)	(15.637.326.305)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.661.146.230
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21, V.22	(12.576.045.657)	(18.539.128.164)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		546.684.290.308	518.834.148.809
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.4, V.9, V.10, V.12, V.13	(94.471.318.669)	(77.501.709.559)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	725.247.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(285.500.000.000)	(81.900.001.067)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	39.546.378.100	71.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(18.750.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2, V.5a, VI.3	13.887.553.201	9.628.881.299
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(345.287.387.368)	(77.547.582.055)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.22	300.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	426.978.136.389	434.637.347.260
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(656.088.722.157)	(717.833.716.117)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18a, V.22a	(127.349.859.110)	(108.641.263.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(56.460.444.878)	(391.837.632.257)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		144.936.458.062	49.448.934.497
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	109.266.207.775	59.817.273.278
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(10.760.476)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	254.191.905.361	109.266.207.775



Đồng Nai, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Phạm Thị Hồng
Giám đốcTrần Hoàng Anh Phương
Người lậpNguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

6. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	KCN Nhơn Trạch, Đường Trần Phú, thị trấn Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; Phân phối nước sạch	52,44%	52,44%	52,44%	52,44%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số	Số	Số	Số
			cuối năm	đầu năm	cuối năm	đầu năm
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	02 bis Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, TP. Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; Phân phối nước sạch	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số	Số đầu	Số	Số đầu
			cuối năm	năm	cuối năm	năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	52 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Khai thác nước phục vụ công nghiệp; Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch	36,00%	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Đường Gia Tân 1, ấp Dốc Mơ 3, xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai	Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.045 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.060 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá chèo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá chèo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng

Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 03 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 – 40

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 20 – 49 năm.

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 25 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Chương trình phần mềm máy tính**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 – 10 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà xưởng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của nhà xưởng là 25 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ. Việc trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

16. Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có và tình hình xử lý số chênh lệch đó ở Tập đoàn. Chênh lệch đánh giá lại tài sản này không phản ánh số chênh lệch đánh giá lại khi đưa tài sản đi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác hoặc thay đổi hình thức sở hữu.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**22. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	428.331.106	171.182.320
Tiền gửi ngân hàng	80.763.574.255	33.095.025.455
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	173.000.000.000	76.000.000.000
Cộng	254.191.905.361	109.266.207.775

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn nhập gốc trong năm là 388.787.745 VND.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Giá gốc	Số cuối năm		Giá gốc	Số đầu năm	
		Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng		Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	7.800.368.003	8.681.645.812	16.482.013.815	7.800.368.003	7.108.175.544	14.908.543.547
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân ⁽¹⁾	43.750.000.000	(12.851.552.148)	30.898.447.852	25.000.000.000	(5.351.671.391)	19.648.328.609
Cộng	51.550.368.003	(4.169.906.336)	47.380.461.667	32.800.368.003	1.756.504.153	34.556.872.156

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 6) Trong năm Tập đoàn đã mua thêm 1.875.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân với giá mua là 18.750.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 4.375.000 cổ phiếu, tương đương 25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân (số đầu năm là 2.500.000 cổ phiếu, tương đương 25% vốn điều lệ).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức được chia trong năm	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	14.908.543.547	-	2.586.510.268	(1.013.040.000)	16.482.013.815
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	19.648.328.609	18.750.000.000	(7.499.880.757)	-	30.898.447.852
Cộng	34.556.872.156	18.750.000.000	(4.913.370.489)	(1.013.040.000)	47.380.461.667

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.090.900	3.272.705
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	323.245.356	39.348.466
Chi phí dịch vụ	2.773.868.712	2.450.124.963
Cổ tức được chia	1.013.040.000	1.688.400.000

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.039.722.490	-	6.460.680.000	1.039.722.490	-	3.040.320.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	2.030.000.000	-	2.830.000.000	2.030.000.000	-	2.100.000.000
Cộng	3.069.722.490	-	9.290.680.000	3.069.722.490	-	5.140.320.000

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	829.895.595	298.747.149
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	505.523.278	13.225
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	293.508.224	293.508.224
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	20.898.942	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	4.600.035	3.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	2.879.976	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	1.199.990	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	1.100.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	185.150	1.745.700
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	-	480.000
Phải thu các khách hàng khác	58.483.884.134	46.245.962.769
Cộng	59.313.779.729	46.544.709.918

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Thiết bị Ngành nước	4.973.677.900	-
Công ty Cổ phần Khoan và Xây lắp Cấp thoát nước	4.651.582.585	-
Công ty Kỹ thuật DOHWA	2.031.000.000	2.031.000.000
Các nhà cung cấp khác	5.108.434.890	3.357.173.194
Cộng	16.764.695.375	5.388.173.194

Số dư khoản trả trước cho người bán liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản là 12.145.880.806 VND (số đầu năm là 1.227.414.726 VND).

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu liên quan đến Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1	4.016.570.551	-	4.740.209.029	-
Tạm ứng	959.919.368	-	751.486.441	-
Các khoản BHXH, BHYT, BHTN	992.926.532	-	1.004.569.252	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	3.250.699.236	-	1.136.562.685	-
Khoản đặt cọc ngắn hạn	240.000.000	-	26.537.195	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.330.657.247	-	1.649.358.473	-
Cộng	10.790.772.934	-	9.308.723.075	-

6. Nợ xấu

Công ty có các khoản nợ xấu của các khách hàng nợ tiền nước và nợ khác với thời gian quá hạn từ 06 tháng trở lên với tổng giá trị các khoản nợ xấu là 4.839.503.314 VND.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.623.206.284)	(2.168.754.708)
Trích lập dự phòng bổ sung	(677.745.379)	(454.451.576)
Số cuối năm	(3.300.951.663)	(2.623.206.284)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	40.494.523.187	-	35.626.996.163	-
Công cụ, dụng cụ	164.873.400	-	188.661.700	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.324.704.153	-	2.495.795.211	-
Hàng hóa	158.732.170	-	118.302.498	-
Cộng	51.142.832.910	-	38.429.755.572	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	72.095.998	516.029.224
Chi phí sửa chữa	225.538.389	-
Cộng	297.634.387	516.029.224

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản	6.262.098.633	14.502.946.955
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ cho khách hàng	142.335.387	2.493.762.739
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.634.313.951	3.510.099.497
Cộng	8.038.747.971	20.506.809.191

9. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết về tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Phụ lục 1 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.075.110.015.037 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (xem thuyết minh số V.19).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí quy hoạch bản đồ	Chương trình phần mềm máy tính	
				Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	350.929.202.176	2.814.843.027	2.399.705.088	356.143.750.291
Mua trong năm	-	-	390.000.000	390.000.000
Số cuối năm	350.929.202.176	2.814.843.027	2.789.705.088	356.533.750.291
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.274.564.000	1.976.048.088	3.250.612.088
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	45.913.188.008	1.710.476.753	1.995.159.595	49.618.824.356
Khấu hao trong năm	7.255.724.676	61.611.160	366.050.393	7.683.386.229
Số cuối năm	53.168.912.684	1.772.087.913	2.361.209.988	57.302.210.585
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	305.016.014.168	1.104.366.274	404.545.493	306.524.925.935

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Chi phí quy hoạch bản đồ	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Số cuối năm	297.760.289.492	1.042.755.114	428.495.100	299.231.539.706
Trong đó:				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 292.329.166.296 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (xem thuyết minh V.19b).

11. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	1.269.760.507	346.214.018	923.546.489
Khấu hao trong năm	-	50.790.420	-
Số cuối năm	1.269.760.507	397.004.438	872.756.069

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà máy nước đóng chai tinh khiết	1.184.375.308	371.104.283	813.271.025
Kho tại giếng số 7	85.385.199	25.900.155	59.485.044
Cộng	1.269.760.507	397.004.438	872.756.069

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	4.496.310	2.884.886.343	(2.120.930.136)	(766.549.954)	1.902.563
Xây dựng cơ bản dở dang	146.984.233.899	64.880.563.738	(62.058.314.590)	(46.661.818)	149.759.821.229
• Dự án Nhon Trạch giai đoạn 1	21.018.104.772	-	-	-	21.018.104.772
• Dự án Nhon Trạch giai đoạn 2	84.526.244.247	92.386.390	-	-	84.618.630.637
• Dự án TOCN HDPE D300 từ ngã tư Vũng Tàu về Biên Hòa	-	16.617.077.199	-	-	16.617.077.199
• Dự án Thiện Tân giai đoạn 2	15.254.472.772	-	-	(37.261.818)	15.217.210.954
• Các dự án khác	26.185.412.108	48.171.100.149	(62.058.314.590)	(9.400.000)	12.288.797.667
Sửa chữa lớn tài sản cố định	4.836.953.189	12.284.819.156	(11.441.487.447)	(355.691.716)	5.324.593.182
Cộng	151.825.683.398	80.050.269.237	(75.620.732.173)	(1.168.903.488)	155.086.316.974

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	9.576.476.681	13.485.639.499
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	4.791.468.554	3.807.140.877
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	1.148.590.873	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	3.615.923.254	9.678.498.622
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	20.494.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	48.083.049.193	46.788.565.161
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai	8.618.353.106	4.835.167.018
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 4	6.597.303.264	-
Công ty Cổ phần Cấp nước Hồ Cầu Mới	6.200.620.099	-
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	5.551.572.400	3.619.653.070
Công ty Cổ phần Hawaco Miền Nam	2.034.143.056	6.260.722.600
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Trần Lộc	848.303.838	7.696.617.067
Các nhà cung cấp khác	18.232.753.430	24.376.405.406
Cộng	57.659.525.874	60.274.204.660

Số dư khoản phải trả người bán liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản là 19.387.517.612 VND (số đầu năm là 20.257.974.346 VND).

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước**14a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của bên liên quan	19.386.802	26.876.802
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	19.386.802	26.876.802
Trả trước của khách hàng khác	12.453.329.269	11.393.955.557
Cộng	12.472.716.071	11.420.832.359

14b. Người mua trả tiền trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của bên liên quan	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	2.000.000.000	2.000.000.000
Trả trước của khách hàng khác	4.669.755.089	1.867.902.036
Công ty Cổ phần Đô thị Amata Long Thành	4.669.755.089	1.867.902.036
Cộng	6.669.755.089	3.867.902.036

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	8.537.688	26.431.890.769	(26.120.555.966)	302.797.115	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.648.805.780	24.117.824.123	(7.804.205.840)	8.239.832.536	575.020.033
Thuế thu nhập cá nhân	338.285.555	-	4.328.938.534	(3.918.656.680)	748.567.409	-
Thuế tài nguyên	998.678.159	-	10.175.567.094	(10.396.194.980)	778.050.273	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	433.418.091	-	500.263.658	(400.597.910)	533.083.839	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	(11.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.193.204.119	-	49.848.960.706	(51.190.171.296)	3.851.993.529	-
Cộng	6.963.585.924	8.657.343.468	115.414.444.884	(99.841.382.672)	14.454.324.701	575.020.033

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

• Dịch vụ lắp đặt công trình từ nguồn kinh phí cộng đồng	Không chịu thuế
• Dịch vụ cấp nước cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất	0%
• Dịch vụ cấp nước cho các đối tượng khác	5%
• Các dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn xác định thuộc đối tượng hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thành lập do chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, đáp ứng tiêu chí về cơ sở xã hội hóa theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Trước khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp Tập đoàn chưa được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo lĩnh vực ưu đãi thuế. Do đó Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với hoạt động được hưởng ưu đãi. Thu nhập từ các hoạt động khác Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai	20.478.169.335	8.084.323.961
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	2.054.137.297	1.225.732.569
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	1.585.517.491	1.157.926.939
Cộng	24.117.824.123	10.467.983.469

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác tài nguyên nước với mức 1% trên doanh thu khai thác nước mặt và 5% trên doanh thu khai thác nước ngầm.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	8.452.238.885	11.003.264.293
Chi phí chênh lệch thuế đất	5.552.293.676	5.552.293.676
Chi phí lắp đặt	2.525.709.329	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.058.195.208	6.794.647.323
Cộng	18.588.437.098	23.350.205.292

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Phải trả khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan – Cục vô bình nước Doriv</i>	5.970.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	11.887.788.223	10.205.644.570
Phí bảo vệ môi trường	3.316.624.286	3.392.770.272
Phải trả tiền bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng	2.034.416.320	-
Kinh phí công đoàn	1.488.685.772	1.879.713.492
Phí dịch vụ môi trường rừng	1.627.396.022	1.480.724.647
Cổ tức phải trả	462.573.790	267.416.100
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.958.092.033	3.185.020.059
Cộng	11.893.758.223	10.205.644.570

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Di dời trạm bơm nước thô Biên Hòa	1.905.000.000	1.905.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	983.609.664	1.050.796.132
Cộng	2.888.609.664	2.955.796.132

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay**19a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	181.159.896.810	145.909.727.156
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱ⁾	127.968.836.983	79.127.218.867
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	53.191.059.827	62.759.233.550
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	-	4.023.274.739
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	210.603.739.394	261.137.031.408
Cộng	391.763.636.204	407.046.758.564

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp của các tài sản cố định và công trình xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa không quá 06 tháng.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	145.909.727.156	385.814.250.504	-	(350.564.080.850)	-	181.159.896.810
Vay dài hạn đến hạn trả	261.137.031.408	-	210.603.739.394	(253.050.997.346)	(8.086.034.062)	210.603.739.394
Cộng	407.046.758.564	385.814.250.504	210.603.739.394	(603.615.078.196)	(8.086.034.062)	391.763.636.204

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ⁽ⁱ⁾	917.460.702.255	1.205.639.326.031
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai ⁽ⁱⁱ⁾	98.103.236.896	107.048.621.896
Vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	73.157.377.104	80.356.965.328
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai ^(iv)	28.603.083.387	20.556.818.907
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	-	33.078.426.462
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đồng Nai	-	13.030.531.094
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	578.583.326
Cộng	1.117.324.399.642	1.460.289.273.044

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 18 – 25 năm, thời gian ân hạn từ 05 – 08 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 – 10 năm, thời gian ân hạn từ 03 – 24 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh để đầu tư dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2 với lãi suất được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 25 năm, thời gian ân hạn 07 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành trong tương lai.

^(iv) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai để thanh toán các chi phí và giải ngân hoàn vốn để đầu tư xây dựng các dự án với lãi suất được quy định cụ thể theo từng kế ước nhận nợ, thời hạn vay tối đa 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	210.603.739.394	261.137.031.408
Trên 01 năm đến 05 năm	840.164.333.371	933.582.455.518
Trên 05 năm	277.160.066.271	526.706.817.526
Cộng	1.327.928.139.036	1.721.426.304.452

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	1.460.289.273.044
Số tiền vay phát sinh	41.163.885.885
Số tiền vay đã trả	(52.473.643.961)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(210.603.739.394)
Chênh lệch tỷ giá	(121.051.375.932)
Số cuối năm	1.117.324.399.642

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí sửa chữa tài sản cố định. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Tăng do trích lập	940.190.000	-
Số cuối năm	940.190.000	-

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	17.964.101.720	11.369.107.986
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	23.567.512.159	20.589.860.172
Chi quỹ	(12.331.482.309)	(13.994.866.438)
Số cuối năm	29.200.131.570	17.964.101.720

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày tại Phụ lục 2 đính kèm.

Trong năm Công ty mẹ đã chào bán cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 5:1 (cổ đông hiện hữu sở hữu 5 cổ phần được mua 1 cổ phiếu phát hành thêm) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020 ngày 21 tháng 10 năm 2020 về việc Thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Trên cơ sở đó, Công ty mẹ đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu 200.000.000.000 VND. Ngày 11 tháng 5 năm 2021 Công ty mẹ đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 1.200.000.000.000 VND.

22b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	120.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	120.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	120.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	120.000.000	100.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ 2021 ngày 20 tháng 4 năm 2021 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	: 120.000.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 24.959.257.167
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý, điều hành	: 17.593.729.778

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 23.098,63 USD (số đầu năm là 23.098,63 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp nước	1.111.644.878.409	1.073.755.813.681
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	39.064.942.943	41.194.735.424
Doanh thu bán nước tinh khiết	4.694.668.056	344.755.016
Doanh thu khác	391.846.400	356.224.000
Cộng	1.155.796.335.808	1.115.651.528.121

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	68.188.490.500	64.191.359.050
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	51.213.223.056	51.649.081.538
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	22.788.530.750	19.917.508.750
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	1.006.202.400	863.713.200
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	655.741.940	416.117.704
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	604.071.700	546.108.500
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	526.225.505	89.376.455
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	306.379.602	249.382.273
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	140.357.500	186.254.000
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	81.075.057	59.664.390
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	53.636.050	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	40.161.580	29.351.770
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	31.418.000	16.088.500
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	8.699.270	13.887.445
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	5.945.430	1.799.998
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	5.272.750	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1 - Đồng Nai	-	50.007.025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp nước	668.401.883.009	624.654.035.313
Giá vốn của dịch vụ lắp đặt	30.951.498.457	42.842.366.181
Giá vốn nước tinh khiết	3.459.644.569	272.963.499
Giá vốn khác	109.797.108	117.211.730
Cộng	702.922.823.143	667.886.576.723

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	15.082.427.497	5.584.971.299
Cổ tức được chia	295.010.000	245.010.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.750.649.544	850.128.988
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	126.494.266.726	-
Cộng	144.622.353.767	6.680.110.287

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	44.481.599.712	68.431.454.795
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	21.255.251	215.056.589
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	87.319.178.816
Cộng	44.502.854.963	155.965.690.200

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	34.445.124.448	20.136.400.599
Chi phí vật liệu, bao bì	16.900.833.038	30.947.139.539
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	965.712.888	2.876.645.118
Chi phí khấu hao tài sản cố định	819.110.272	1.149.048.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.675.590.438	4.374.172.908
Các chi phí khác	7.893.603.598	5.550.168.484
Cộng	65.699.974.682	65.033.574.831

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	42.953.304.855	45.210.728.910
Chi phí vật liệu quản lý	1.093.911.280	1.249.605.805
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.459.117.444	1.279.620.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.646.124.877	2.663.403.304
Thuế, phí và lệ phí	19.219.854	13.926.044
Dự phòng phải thu khó đòi	677.745.379	454.451.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.630.807.855	1.120.079.933
Các chi phí khác	10.874.839.375	9.969.026.517
Cộng	62.355.070.919	61.960.842.729

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Phí bảo vệ môi trường được trích sử dụng	4.868.355.053	3.405.834.900
Tiền thi công được tài trợ	3.446.259.119	-
Thu tiền phạt chậm hợp đồng	1.000.000.000	-
Thu từ kinh phí quản lý, duy tu, bảo dưỡng	794.250.000	1.130.679.665
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	759.487.272
Thu nhập khác	998.906.291	803.149.337
Cộng	11.107.770.463	6.099.151.174

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phí bảo vệ môi trường	2.395.830.000	1.071.800.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	6.303.452	-
Chi phí khác	1.251.147.042	413.583.839
Cộng	3.653.280.494	1.485.383.839

9. Lãi trên cổ phiếu**9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	388.212.079.073	149.286.960.504
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(38.821.207.907)	(15.675.130.853)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	349.390.871.166	133.611.829.651
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	113.996.253	100.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.065	1.336

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.229.031.396	90.297.655.848
Chi phí nhân công	241.143.809.500	231.085.747.844
Chi phí khấu hao tài sản cố định	279.841.245.690	241.159.847.518
Chi phí dịch vụ mua ngoài	167.891.354.848	183.565.533.751
Chi phí khác	69.143.901.428	45.842.964.804
Cộng	835.249.342.862	791.951.749.765

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương và thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty mẹ trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Vũ Văn Học	Nguyên Chủ tịch HĐQT	-	542.460.000
Ông Đặng Văn Chất	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	1.220.287.500	1.092.615.000
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	1.488.035.000	1.393.820.000
Ông Nguyễn Văn Bình	Nguyên thành viên HĐQT, Nguyên Phó Giám đốc	-	375.394.000
Ông Nguyễn Cao Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	1.135.907.000	500.476.000
Ông Nguyễn Văn Thiên	Phó Chủ tịch HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Trần Trung Chiến	Thành viên HĐQT	96.000.000	72.000.000
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	96.000.000	72.000.000
Bà Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	919.354.160	890.070.000
Cộng		5.147.583.660	5.130.835.000

Thu nhập của Ban kiểm soát

Thù lao của Ban kiểm soát và tiền lương của Trưởng ban kiểm soát của Công ty mẹ trong năm như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Công Hiếu	Trưởng ban	946.086.500	908.080.000
Bà Tăng Tố Vân	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn An Quốc	Thành viên	60.000.000	60.000.000
Cộng		1.066.086.500	1.028.080.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi Bình Thuận	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng Công nghiệp Số 1 - Đồng Nai	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi		
Chi phí dịch vụ	568.639.593	30.872.295
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình		
Chi phí dịch vụ	12.133.368.554	9.672.542.608
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành		
Mua hàng hóa	13.090.909	-
Trường Cao đẳng Công nghệ và Quản trị Sonadezi		
Chi phí dịch vụ	781.875.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Nai		
Ứng trước chi phí dịch vụ	-	4.674.432.000
Chi phí dịch vụ	3.431.127.322	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức		
Cổ tức được chia	95.010.000	95.010.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi		
Cổ tức được chia	200.000.000	150.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.13, V.14 và V.18a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tập đoàn là cung cấp nước (chiếm đến 96,18% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ). Toàn bộ doanh thu của Tập đoàn được tạo ra trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Handwritten signature of Trần Hoàng Anh Phương

Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Handwritten signature of Nguyễn Thu Oanh

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng



Đồng Nai, ngày 11 tháng 3 năm 2022

Phạm Thị Hồng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 1: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Table with 7 columns: Nguyên giá, Nhà cửa, vật kiến trúc, Máy móc và thiết bị, Phương tiện vận tải, truyền dẫn, Thiết bị, dụng cụ quản lý, Tài sản cố định hữu hình khác, Cộng. Rows include: Nguyên giá, Số đầu năm, Mua trong năm, Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành, Số cuối năm, Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng, Chờ thanh lý, Giá trị hao mòn, Số đầu năm, Khấu hao trong năm, Số cuối năm, Giá trị còn lại, Số đầu năm, Số cuối năm.

Trong đó: Tạm thời chưa sử dụng, Đang chờ thanh lý



18.899.839

Handwritten signature of Nguyễn Thu Oanh

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Handwritten signature of Trần Hoàng Anh Phương

Trần Hoàng Anh Phương
Người lập

Phạm Thị Hồng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

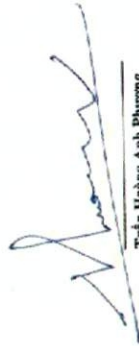
Địa chỉ: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 2: Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	1.000.000.000.000	18.764.721.167	26.218.693.500	(64.235.766.100)	64.912.313.912	298.656.186.508	105.425.528.742	1.449.741.677.729
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	149.286.960.504	12.536.084.488	161.823.044.992
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	28.663.406.172	(47.058.097.972)	(2.195.168.372)	(20.589.860.172)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(90.000.000.000)	(8.971.896.000)	(98.971.896.000)
Số dư cuối năm trước	1.000.000.000.000	18.764.721.167	26.218.693.500	(64.235.766.100)	93.575.720.084	310.885.049.040	106.794.548.858	1.492.002.966.549
Số dư đầu năm nay	1.000.000.000.000	18.764.721.167	26.218.693.500	(64.235.766.100)	93.575.720.084	310.885.049.040	106.794.548.858	1.492.002.966.549
Tăng vốn trong năm nay	200.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	-	300.000.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(244.563.348)	-	-	-	-	-	(244.563.348)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	388.212.079.073	15.124.352.389	403.336.431.462
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	27.639.991.191	(48.294.825.865)	(2.912.677.483)	(23.567.512.159)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(120.000.000.000)	(7.545.016.800)	(127.545.016.800)
Số dư cuối năm nay	1.200.000.000.000	118.520.157.819	26.218.693.500	(64.235.766.100)	121.215.711.275	530.802.302.248	111.461.206.962	2.043.982.305.704


Trần Hoàng Anh Phương
Người lập


Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng


Đồng Nai, ngày 11 tháng 3 năm 2022
Phạm Thị Hồng
Giám đốc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC


Phạm Thị Hồng

